

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Ngân**  
**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**TÊN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP  
HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI HTX  
CÔNG TY THƯƠNG MẠI VIỆT PHƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Ngân  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Thị Ngân Mã SV: 1513401047

Lớp: QTL902K Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<i>Ký hiệu viết tắt</i>	<i>Chữ viết tắt</i>
GTGT	Giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
DT	Doanh thu
XK	Xuất khẩu
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
DTBH	Doanh thu bán hàng
DN	Doanh nghiệp
BĐSĐT	Bất động sản đầu tư
NVL	Nguyên vật liệu
CCDC	Công cụ dụng cụ
TP	Thành phẩm
SP	Sản phẩm
QL	Quản lý
SXDK	Sản xuất kinh doanh
BVMT	Bảo vệ môi trường

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. ....	3
1.1.1 Bán hàng.....	3
1.1.2 Sản phẩm tiêu thụ.....	3
1.1.3 Doanh thu .....	3
1.1.4 Doanh thu thuần .....	3
1.1.5 Thời điểm ghi nhận doanh thu .....	3
1.1.6 Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp .....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu .....	4
1.2.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:.....	4
1.2.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:.....	4
1.2.4 Thu nhập khác: .....	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu .....	5
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	6
1.4.1. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu.....	6
1.4.2. Nhiệm vụ của kế toán chi phí.....	6
1.4.3. Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: .....	6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	6
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.5.1.1. Chứng từ sử dụng.....	6
1.5.1.2. Tài khoản sử dụng.....	6
1.5.1.3. Phương pháp hạch toán .....	8
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	8
1.5.2.1. Chứng từ sử dụng.....	8
1.5.2.2. Tài khoản sử dụng.....	8
1.5.2.3. Phương pháp hạch toán .....	9
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	9
1.5.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho .....	9

1.5.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng, kết cấu tài khoản.....	10
1.5.3.3. Phương pháp hạch toán.....	12
1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	14
1.5.4.1. Chứng từ sử dụng:.....	14
1.5.4.2. Tài khoản sử dụng:.....	14
1.5.4.3. Phương pháp hạch toán:.....	15
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	15
1.6.1 Chứng từ sử dụng .....	15
1.6.2 Tài khoản sử dụng.....	15
1.6.3 Phương pháp hạch toán .....	17
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác.....	18
1.7.1 Chứng từ sử dụng .....	18
1.7.2 Tài khoản sử dụng .....	18
1.7.3 Phương pháp hạch toán.....	20
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp .....	21
1.8.1 Chứng từ sử dụng:.....	21
1.8.2 Tài khoản sử dụng:.....	21
1.8.3. Phương pháp hạch toán .....	22
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán .....	23
1.9.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung. ....	23
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI HTX CÔNG TY THƯƠNG MẠI VIỆT PHƯƠNG.....</b>	<b>27</b>
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương .....	27
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của HTX Công ty Thương mại Việt Phương .....	27
2.1.2. Đặc điểm hàng hóa, tổ chức kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương..	28
2.1.3. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương .....	28
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại HTX Công ty TM Việt Phương....	28
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.....	30

2.2.	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương ..	31
2.2.1.	Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.....	31
2.2.1.1.	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	31
2.2.1.2.	Kế toán giá vốn hàng bán.....	41
2.2.1.3.	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	46
2.2.2.	Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.....	53
2.2.3.	Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương .....	59
	<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI HTX CÔNG TY THƯƠNG MẠI VIỆT PHƯƠNG .....</b>	<b>73</b>
3.1.	Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.....	73
3.1.1.	Ưu điểm.....	73
3.1.2.	Hạn chế .....	74
3.2.	Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh .....	74
3.3.	Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	74
3.4.	Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh .....	75
3.4.1.	Kiến nghị 1: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí .....	75
3.4.2.	Kiến nghị 2: Áp dụng phần mềm kế toán .....	78
3.4.3.	Kiến nghị 3: Trích kinh phí công đoàn tính vào chi phí .....	82
	<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>84</b>
	<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>85</b>

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Báo cáo kết quả kinh doanh của HTX Công ty Thương mại Việt Phương trong 02 năm 2014 – 2015 .....	28
Biểu số 2.2: Hoá đơn GTGT số 0100894 .....	32
Biểu số 2.3: Hoá đơn GTGT số 0100895 .....	34
Biểu số 2.4: Giấy báo có của ngân hàng Á Châu.....	35
Biểu số 2.5: Hoá đơn GTGT số 0100896 .....	37
Biểu số 2.6: Phiếu thu số 05/12.....	38
Biểu số 2.7: Trích sổ nhật ký chung.....	39
Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 511 .....	40
Biểu số 2.9: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa).....	42
Biểu số 2.10: Phiếu kế toán.....	43
Biểu số 2.11: Trích sổ nhật ký chung.....	44
Biểu số 2.12: Trích sổ cái TK 632 .....	45
Biểu số 2.13: Hoá đơn GTGT số 0001011. ....	47
Biểu số 2.14. Trích phiếu chi số 06/12.....	48
Biểu số: 2.15: Bảng tính lương và thanh toán tiền lương .....	49
Biểu số: 2.16: Bảng tính lương và thanh toán tiền lương .....	50
Biểu số 2.17 Trích sổ nhật ký chung.....	51
Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK 642 .....	52
Biểu số 2.19: Giấy báo có .....	54
Biểu số 2.20: giấy báo Nợ của ngân hàng.....	55
Biểu số 2.21 Trích Nhật ký chung .....	56
Biểu số 2.22: Trích Sổ cái TK515.....	57
Biểu số 2.23: Trích Sổ cái TK635.....	58
Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 14 .....	59
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 15 .....	60
Biểu số 2.26: Trích sổ nhật ký chung.....	61
Biểu số 2.27:Trích sổ cái tài khoản 911 .....	62
Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 16 .....	63
Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 17 .....	63
Biểu số 2.30: Trích sổ nhật ký chung.....	64
Biểu số 2.31:Trích sổ cái tài khoản 911 .....	65
Biểu số 2.32:Trích sổ cái tài khoản 821 .....	66



Biểu số 2.33: Phiếu kế toán số 18 .....	67
Biểu số 2.34: Trích sổ nhật ký chung.....	68
Biểu số 2.35: Trích sổ cái tài khoản 911 .....	69
Biểu số 2.36:Trích sổ cái tài khoản 421 .....	70
Biểu số 2.37:Trích bảng cân đối số phát sinh năm 2015 .....	71
Biểu số 2.38: Báo cáo kết quả kinh doanh .....	72
Biểu số 3.1: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh .....	76
Biểu số 3.2: Sổ chi tiết bán hàng.....	77
Biểu số 3.3: Bảng tính lương và thanh toán tiền lương .....	83

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ... 8	8
Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu..... 9	9
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên..... 12	12
Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ của doanh nghiệp sản xuất:..... 13	13
Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ của doanh nghiệp thương mại..... 13	13
Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh..... 15	15
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính..... 17	17
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính..... 18	18
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác ..... 20	20
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác ..... 20	20
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp..... 22	22
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung..... 23	23
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái. .... 24	24
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. .... 25	25
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy: ..... 26	26
Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của HTX Công ty TM Việt Phương ..... 29	29
Sơ đồ 2.2: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung..... 30	30
Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 ..... 79	79
Hình 3.2. Giao diện phần mềm kế toán máy VACOM..... 80	80
Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015 ..... 81	81

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, các doanh nghiệp phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thử thách, cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Vì vậy, mục tiêu đặt ra trong sản xuất kinh doanh là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất, chi phí bỏ ra là thấp nhất. Bên cạnh việc quản lý của người lãnh đạo thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng rất cần thiết. Bởi nó là cơ sở để ban lãnh đạo công ty có thể quản lý, phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả nhất.

Nhận thức được tầm quan trọng đó cũng như kiến thức học tập tích lũy từ nhà trường cùng với kinh nghiệm học hỏi được trong thời gian thực tập tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương. Em đã chọn nghiên cứu đề tài “***Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương***”.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.
- Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- *Đối tượng nghiên cứu*: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.
- *Phạm vi nghiên cứu*: Tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Các phương pháp kế toán: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối.

**5. Kết cấu của khóa luận**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung bài khóa luận gồm 3 chương.

*Chương 1:* Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

*Chương 2:* Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.

*Chương 3:* Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

#### **1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.**

##### **1.1.1 Bán hàng**

Bán hàng là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp. Nói cách khác bán hàng là khâu cuối cùng trong hoạt động kinh doanh, là quá trình thực hiện giá trị của hàng hóa.

##### **1.1.2 Sản phẩm tiêu thụ**

Sản phẩm tiêu thụ là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng. Là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng.

##### **1.1.3 Doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

##### **1.1.4 Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần là doanh thu thực tế doanh nghiệp đã thực hiện trong một kỳ kế toán. Chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu bán hàng, thành phẩm và cung cấp dịch vụ đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán,...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

##### **1.1.5 Thời điểm ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi và chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ hoạt động mua bán trao đổi hàng hóa.

##### **1.1.6 Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

- *Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:* hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác trong đó:

- + Hoạt động sản xuất kinh doanh: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa.
- + Hoạt động tài chính: Là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.
- + Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- *Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

## **1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu**

### **1.2.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

### **1.2.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **1.2.3. Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch

### **1.2.4 Thu nhập khác:**

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực 14 bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng

### **1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu)

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

**1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh****1.4.1. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu**

Phản ánh, ghi chép đầy đủ sự biến động của các loại hàng hóa, dịch vụ bán ra đồng thời tính toán, hạch toán chính xác từng loại doanh thu.

**1.4.2. Nhiệm vụ của kế toán chi phí**

Ghi chép, phản ánh chi tiết, kịp thời, chính xác các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp

**1.4.3. Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:**

Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả hoạt động kinh doanh đúng đắn đồng thời theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của doanh nghiệp.

**1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ****1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1.5.1.1. Chứng từ sử dụng**

- + Hóa đơn GTGT
- + Hóa đơn bán hàng
- + Phiếu xuất kho
- + Biên bản giao nhận hàng hóa
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có ngân hàng...

**1.5.1.2. Tài khoản sử dụng**

- + Tài khoản 511 – “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Tài khoản này được sử dụng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ và các khoản giảm trừ doanh thu.

- + Kết cấu TK 511

TK 511 có số phát sinh giảm bên Nợ, phát sinh tăng bên Có không có số dư cuối kỳ.



Nợ

TK 511

Có

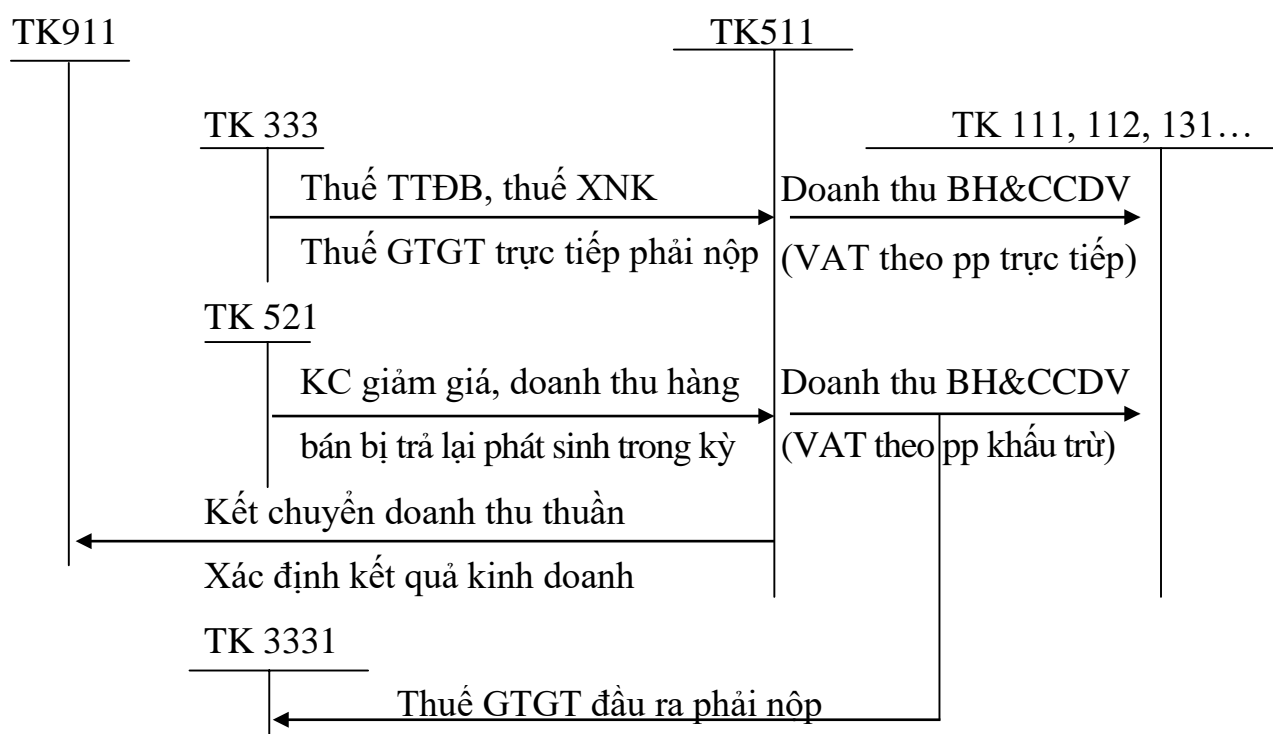
+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;  
 + Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;  
 + Doanh thu hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;  
 + Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”.

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- Tài khoản 511 được chia thành năm (5) tài khoản cấp 2:
  - ✓ Tài khoản 5111 – “doanh thu bán hàng hóa”
  - ✓ Tài khoản 5112 – “doanh thu bán các thành phẩm”
  - ✓ Tài khoản 5113 – “doanh thu cung cấp dịch vụ”
  - ✓ Tài khoản 5117 – “doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư”
  - ✓ Tài khoản 5118 – “doanh thu khác”

1.5.1.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:



Sơ đồ 1.1. : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.5.2.1. Chứng từ sử dụng

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu chi
- + Giấy báo nợ...

1.5.2.2. Tài khoản sử dụng

- + TK 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”

• Nội dung

Tài khoản này được sử dụng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh: chiết

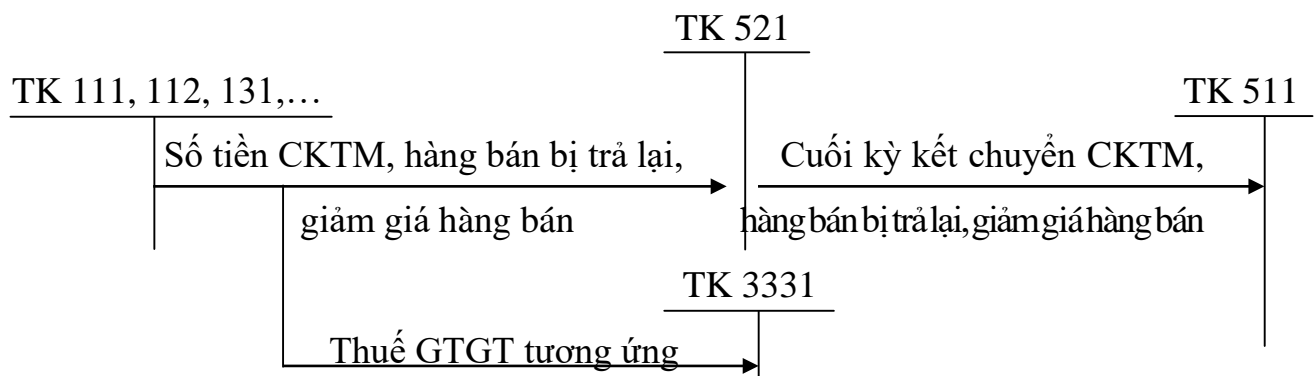
khấu thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại, và các khoản giảm giá hàng bán cho người mua trong kỳ

- Kết cấu tài khoản

TK 521 có số phát sinh tăng bên Nợ, phát sinh giảm bên Có; không có số dư cuối kỳ

Nợ	TK 521	Có
+ Trị giá của hàng bán bị trả lại. + Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh. + Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh.	+ Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.	
- Tài khoản 521 có ba (3) tài khoản cấp 2: <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Tài khoản 5211 – “Chiết khấu thương mại”</li> <li>✓ Tài khoản 5212 – “Hàng bán bị trả lại”</li> <li>✓ Tài khoản 5213 – “Giảm giá hàng bán”</li> </ul>		

1.5.2.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.5.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ *Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng A} = \frac{\text{Giá thực tế hàng A tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng A nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng A tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng A nhập kho trong kỳ}}$$

+ *Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):*

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập } j \text{ của hàng A} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng A}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng A}}$$

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- *Phương pháp thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó

- *Phương pháp giá bán lẻ:*

Phương pháp này được áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

1.5.3.2. *Chứng từ và tài khoản sử dụng, kết cấu tài khoản*

- *Chứng từ sử dụng:*

+ Phiếu nhập kho

+ Phiếu xuất kho...

- *Tài khoản sử dụng*: TK 632 – “Giá vốn hàng bán”

Tài khoản này dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, lao vụ, dịch vụ xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán có thể là giá thành công xưởng thực tế của lao vụ dịch vụ hoặc trị giá mua thực tế của hàng hóa tiêu thụ

- *Kết cấu tài khoản*:

TK 632 có số phát sinh tăng bên Nợ, phát sinh giảm bên Có không có số dư cuối kỳ.

- ✓ Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

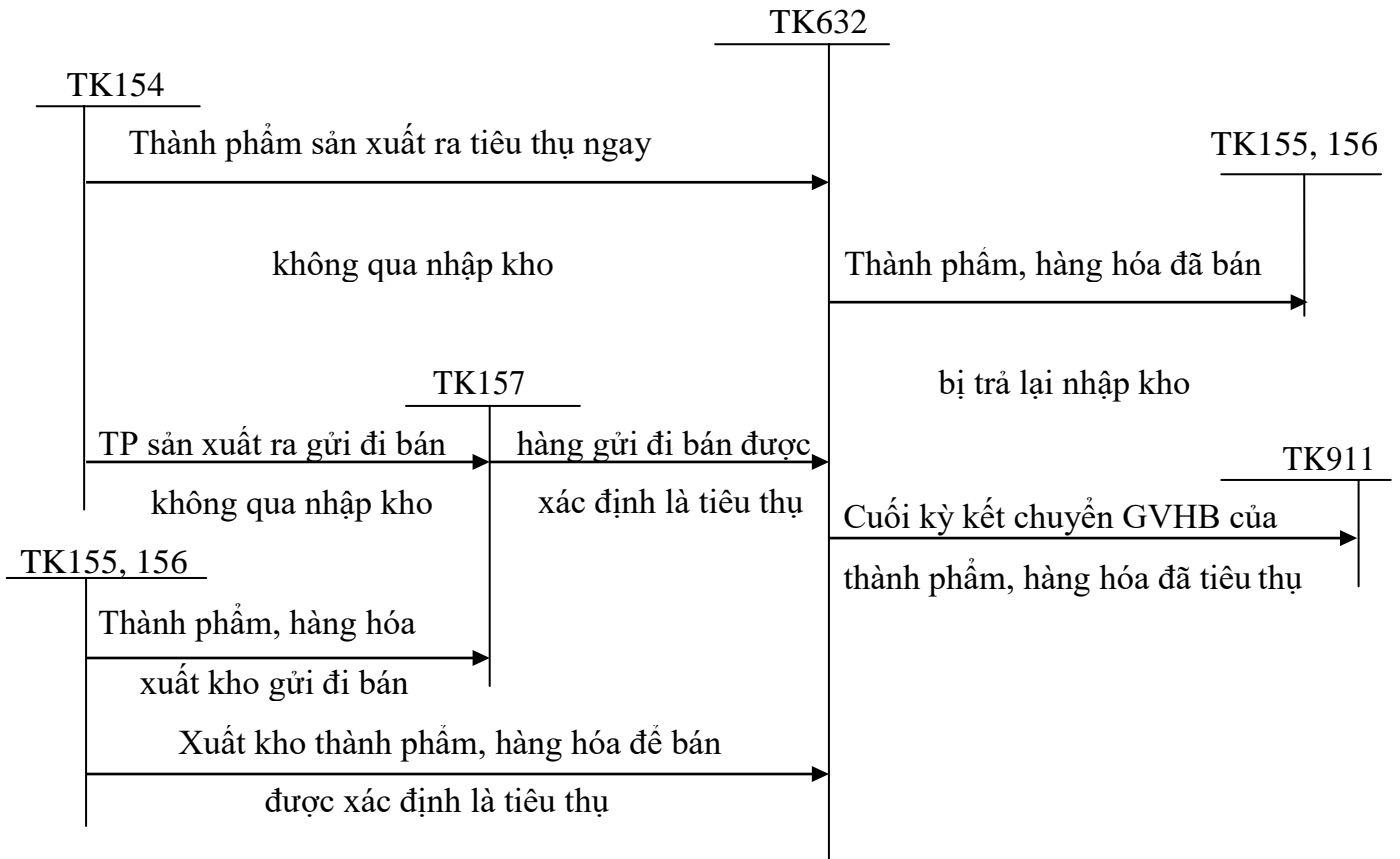
Nợ	TK 632	Có
+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ; + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào GVHB trong kỳ; + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;	+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; + Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; + Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; ...	

- ✓ Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Nợ	TK 632	Có
+ Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; + Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ (Doanh nghiệp thương mại). + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; + Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.	+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối kỳ; + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	

1.5.3.3. Phương pháp hạch toán

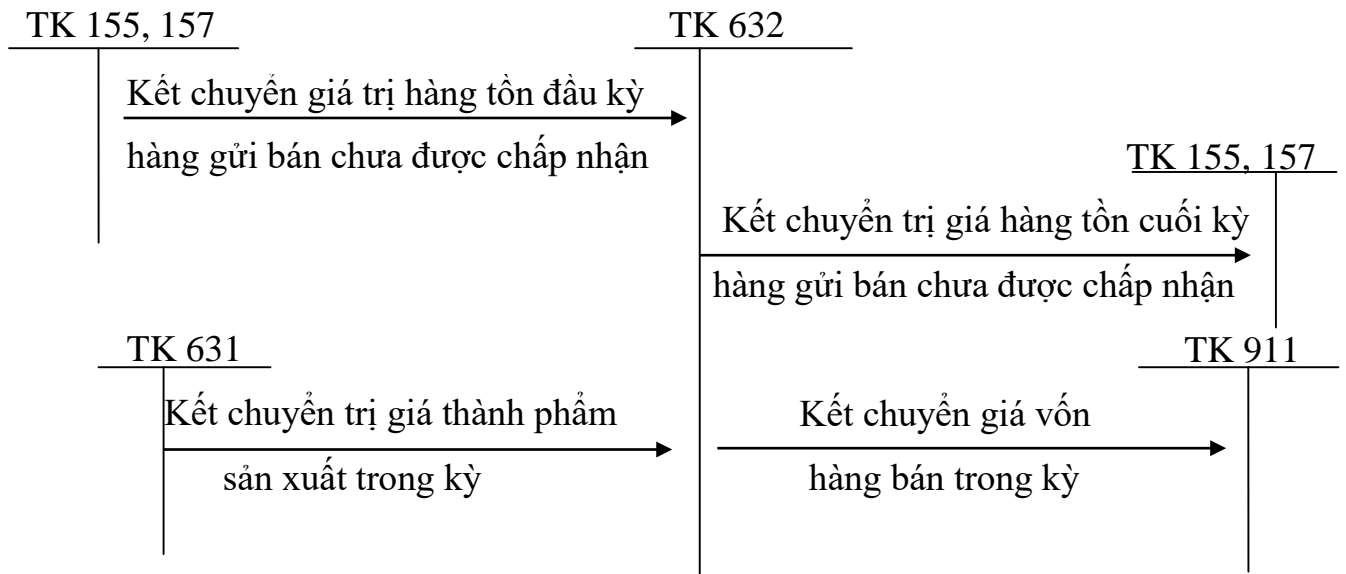
- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

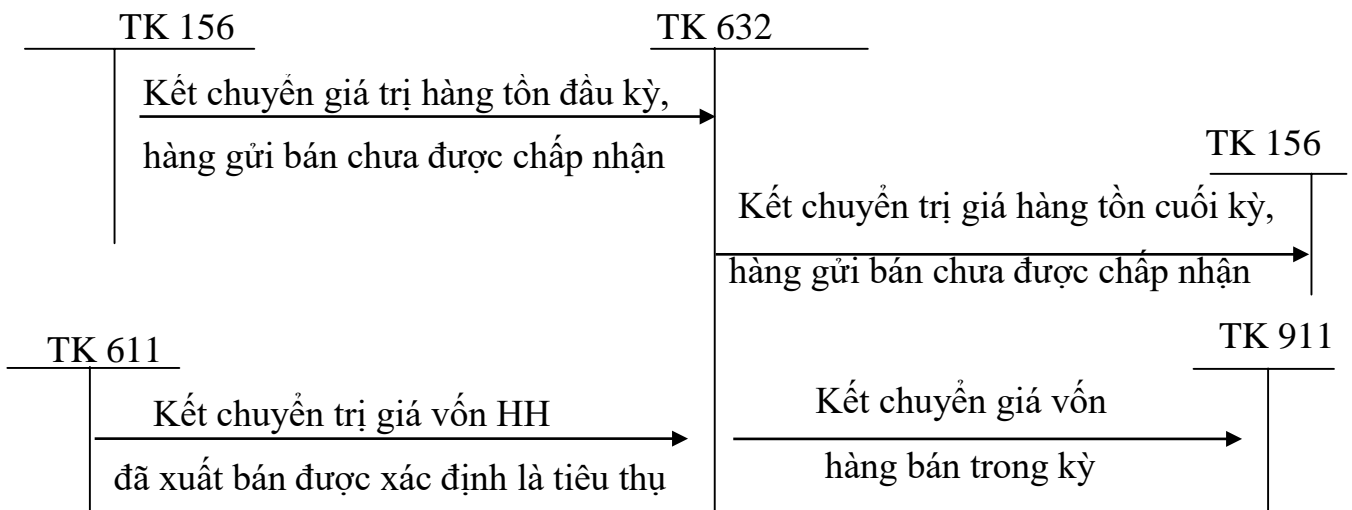
- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

✓ Đối với doanh nghiệp sản xuất:



Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ của doanh nghiệp sản xuất:

✓ Đối với doanh nghiệp thương mại:



Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ của doanh nghiệp thương mại

**1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

**1.5.4.1. Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT;
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ;
- Bảng phân bổ tiền lương và trích các khoản theo lương;...

**1.5.4.2. Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh”

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản:

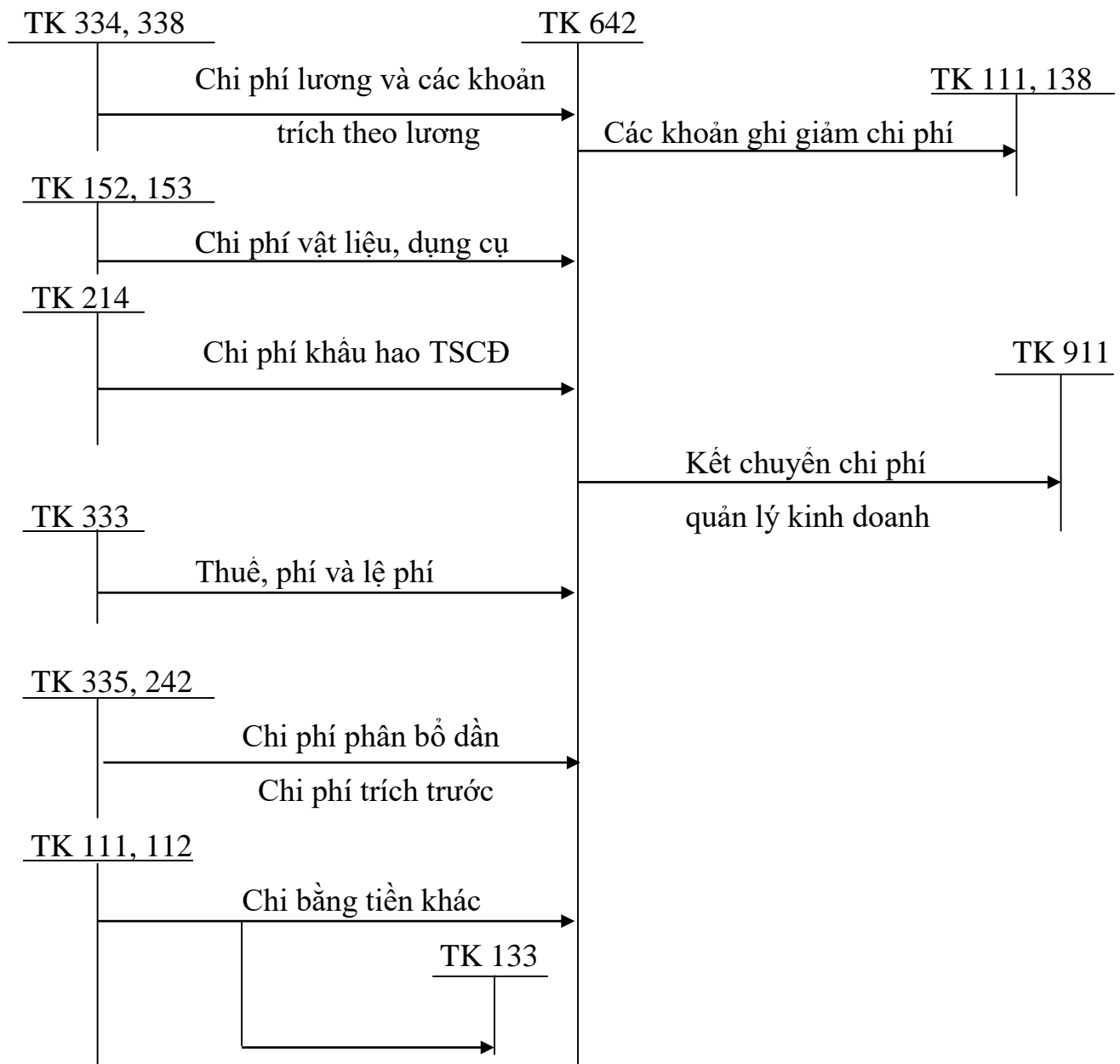
TK 642 có số phát sinh tăng bên Nợ, số phát sinh giảm bên Có, và không có số dư cuối kỳ.

Nợ	TK 642	Có
+ Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.	+ Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ; + Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	

- TK 642 có hai (2) tài khoản cấp 2:
  - ✓ TK 6421 – “Chi phí bán hàng”
  - ✓ TK 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”



1.5.4.3. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1. 6: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

**1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính**

1.6.1 Chứng từ sử dụng

- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Giấy báo nợ, giấy báo có
- + Các chứng từ khác có liên quan...

1.6.2 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”
- Nội dung

Tài khoản này được dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính

- Kết cấu

Kết cấu tài khoản: TK 515 có số phát sinh giảm bên Nợ, số phát sinh tăng bên Có, không có số dư cuối kỳ.

Nợ	515	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ</li> </ul>

- Tài khoản 635 – “Chi phí tài chính”

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

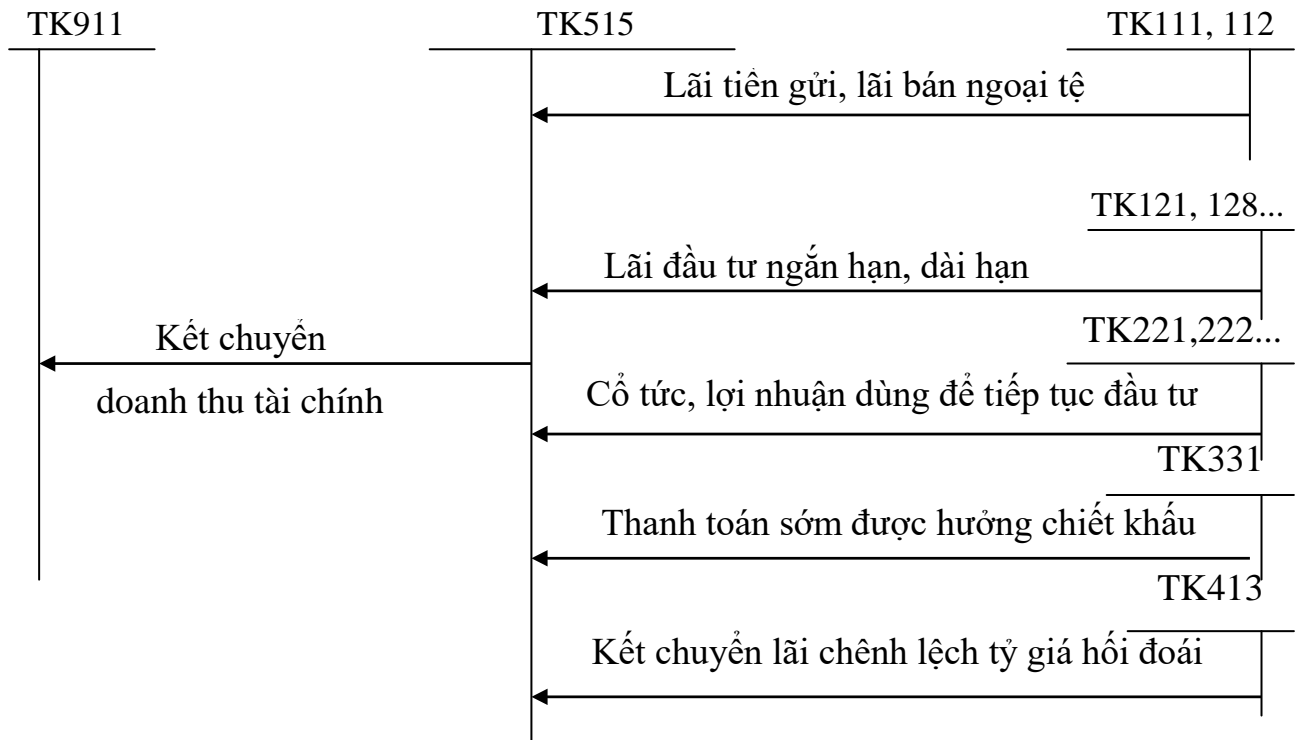
- Kết cấu tài khoản: TK 635 có số phát sinh tăng bên Nợ, phát sinh giảm bên Có không có số dư cuối kỳ.

-

Nợ	635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li> <li>- Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>

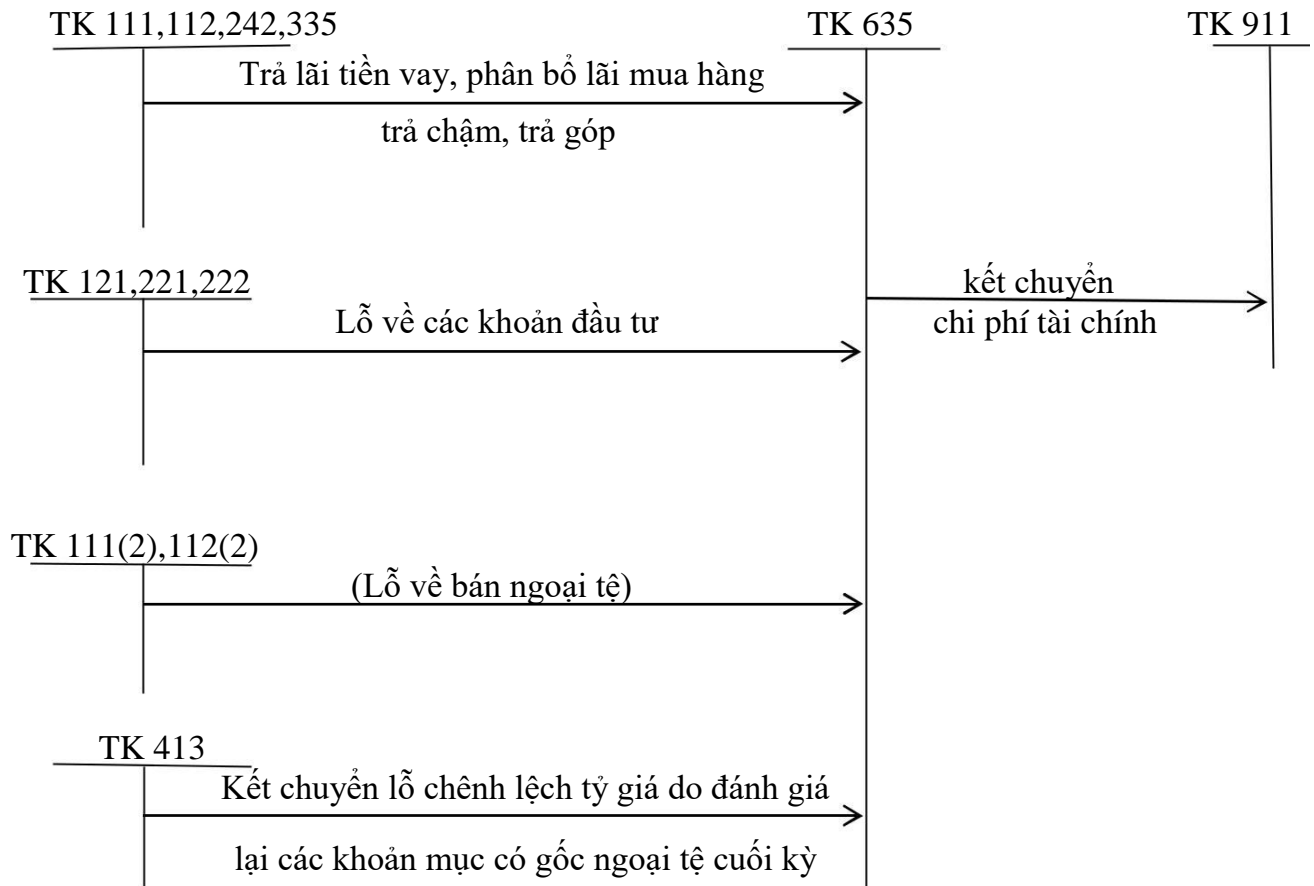
1.6.3 Phương pháp hạch toán

- Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

- Phương pháp hạch toán chi phí tài chính



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

**1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác**

1.7.1 Chứng từ sử dụng

- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- + Các chứng từ khác có liên quan...

1.7.2 Tài khoản sử dụng

- + TK711: Thu nhập khác

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại; thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho DN; các khoản thu nhập khác...

+ *Kết cấu TK711*

Nợ	711	Có
<p>- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp</p> <p>- Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911</p>		<p>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ</p>

- *TK 811: Chi phí khác*

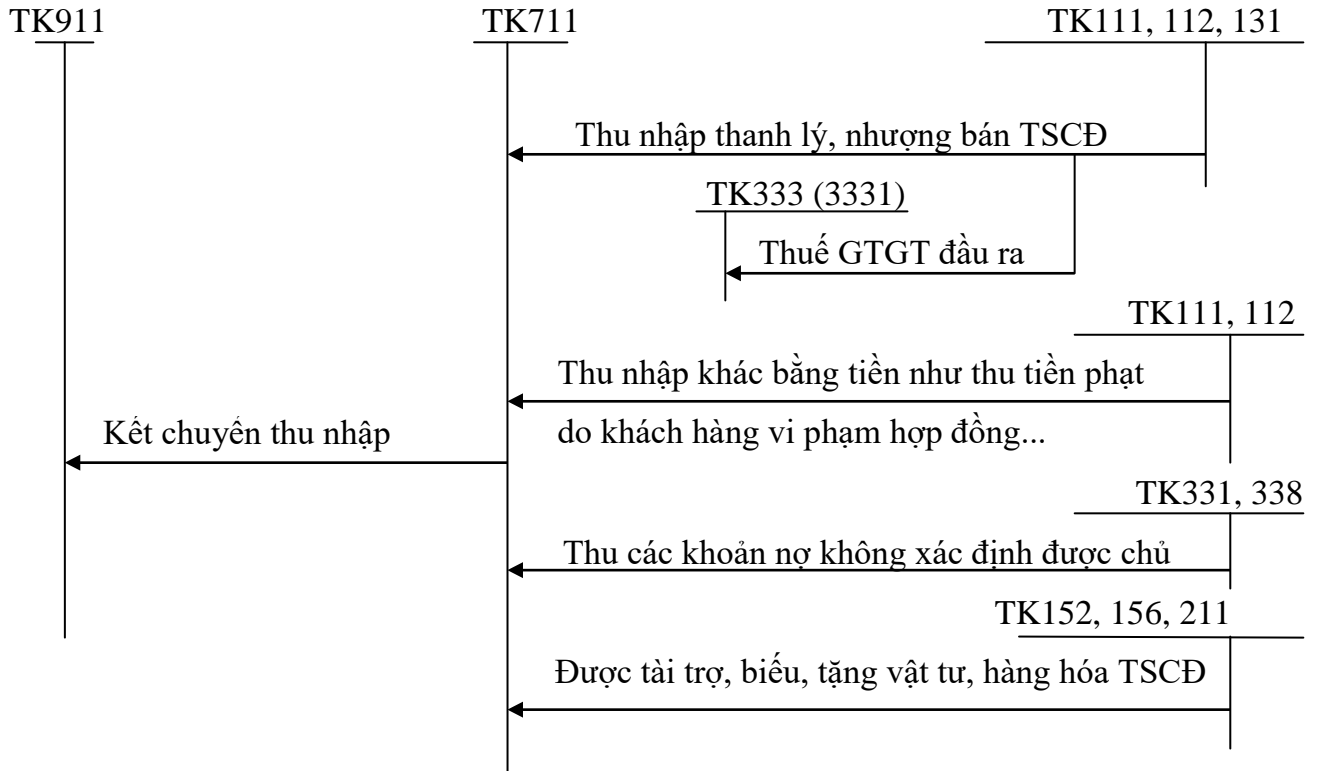
Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác...

+ *Kết cấu TK811:*

Nợ	811	Có
<p>- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ</p>		<p>- Kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911</p>

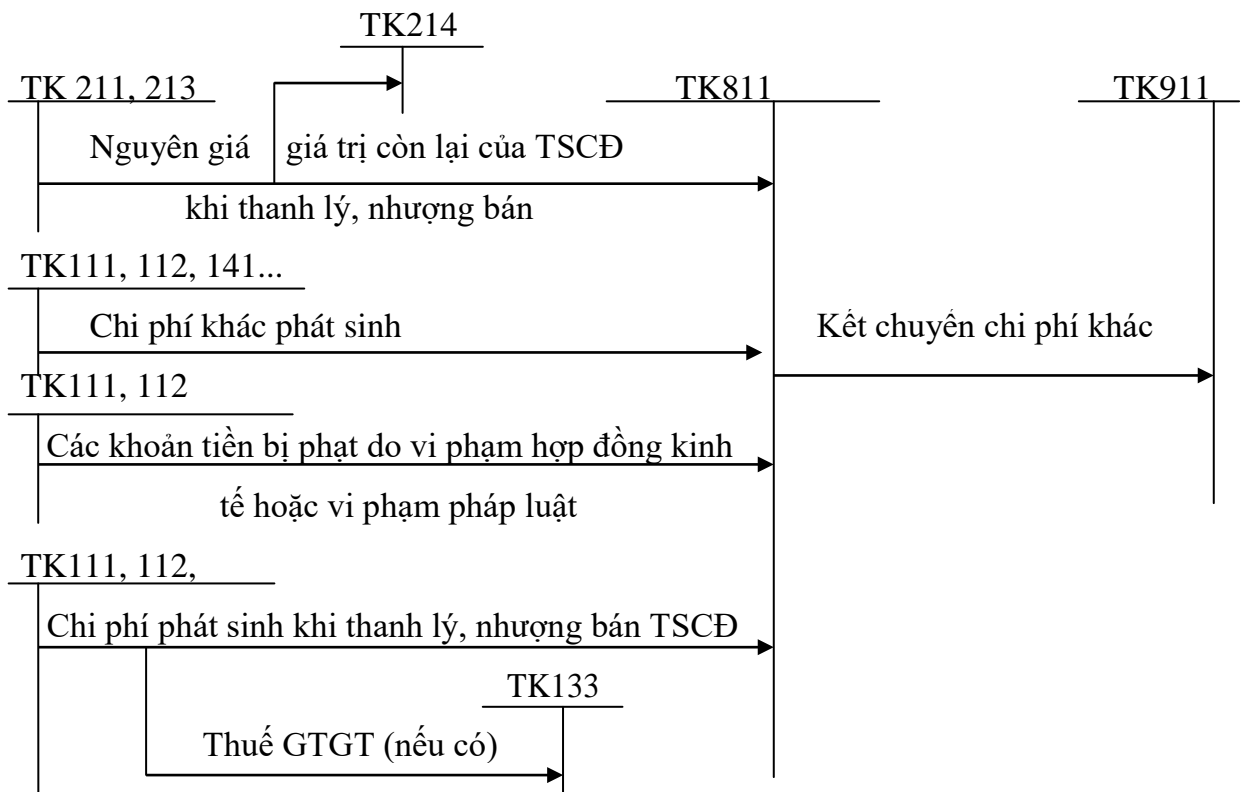
1.7.3 Phương pháp hạch toán

- Phương pháp hạch toán thu nhập hoạt động khác



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

- Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động khác



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

## 1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

### 1.8.1 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

### 1.8.2 Tài khoản sử dụng:

- TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

- Kết cấu tài khoản:

#### TK 911

Nợ	Có
+ Các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính.	+ Các khoản doanh thu từ hoạt động bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.

- TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp phát sinh trong năm, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Kết cấu tài khoản:

TK 821 có số phát sinh tăng bên Nợ, số phát sinh giảm bên Có và không có số dư cuối kỳ.

#### TK 821

Nợ	Có
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;	+ Cuối kỳ kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp vào bên Nợ TK 911.

- TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản:

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có:

+ Số dư Nợ: số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

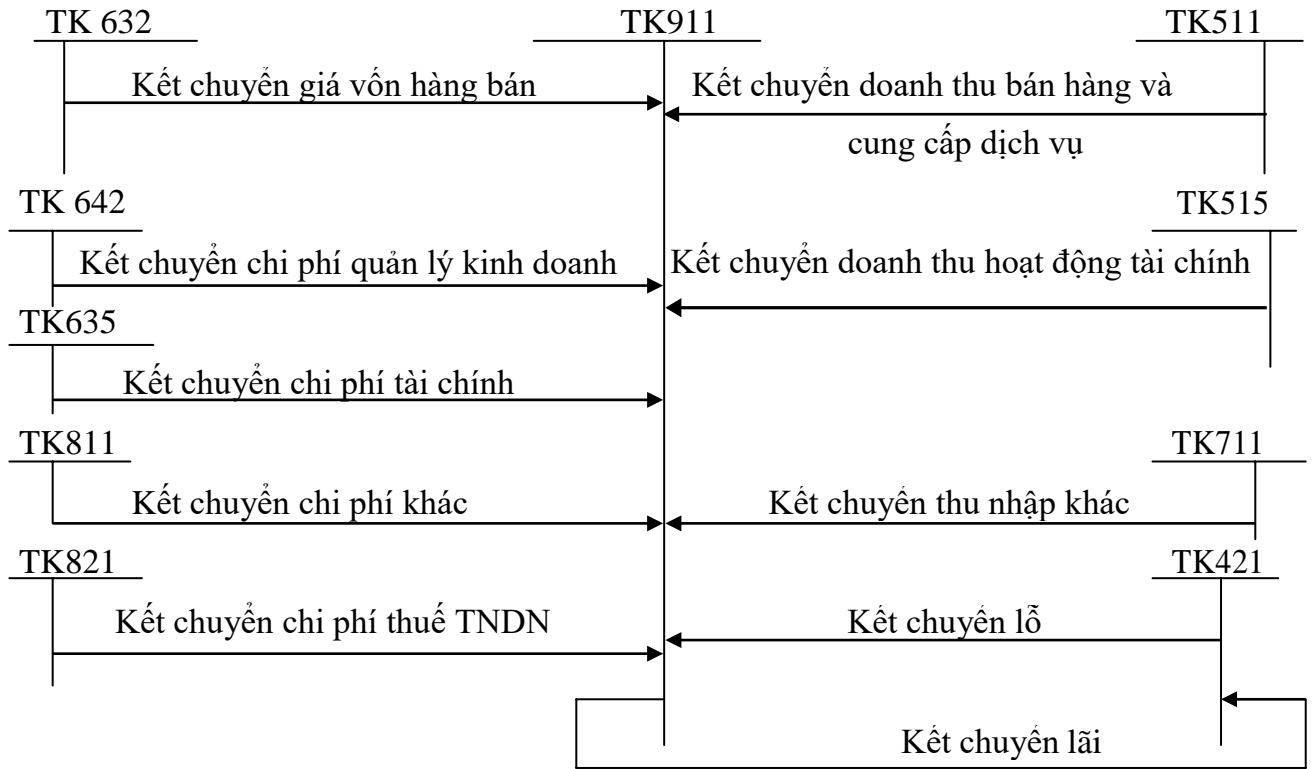
+ Số dư Có: số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

Tài khoản 421 có hai (2) tài khoản cấp 2:

+ TK 4211 – “Lợi nhuận chưa phân phối năm trước”

+ TK 4212 – “Lợi nhuận chưa phân phối năm nay”

1.8.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

Ghi chú: Ghi hàng ngày  →  
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ  →  
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  ↔

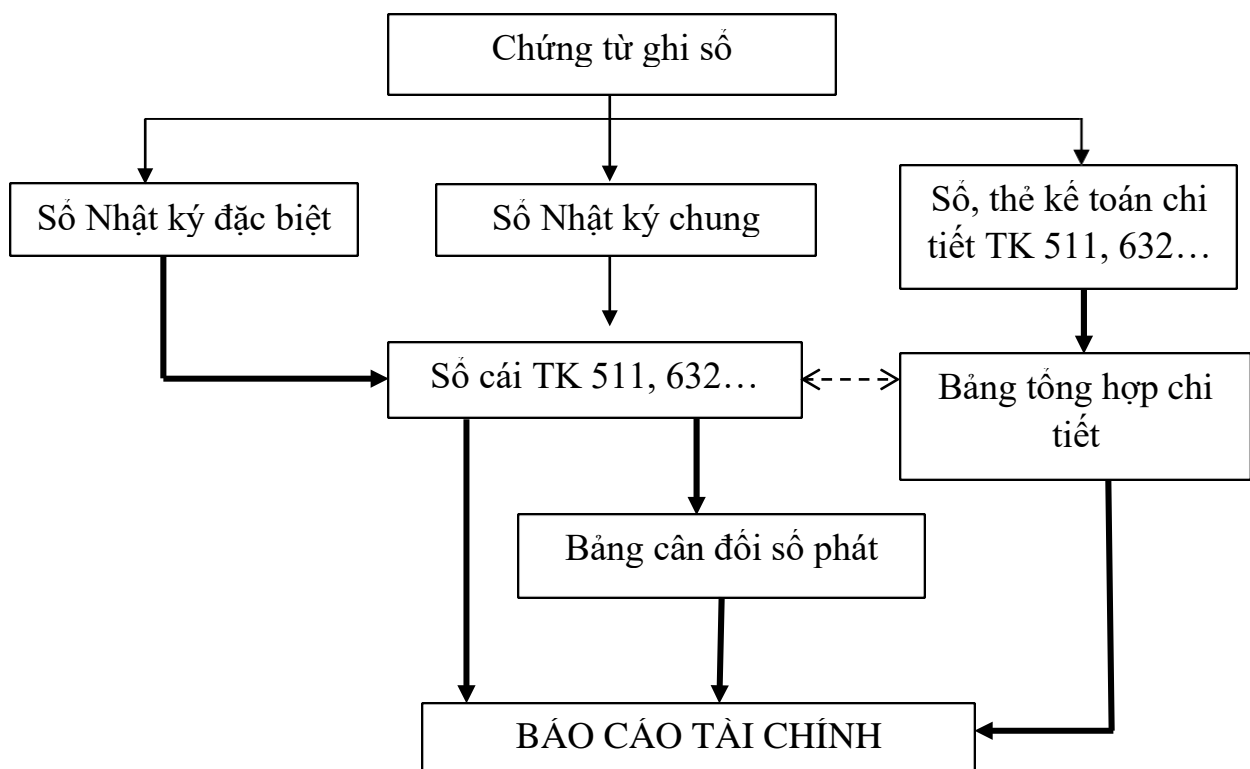


### 1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo QĐ 48/2006 Doanh nghiệp được áp dụng một trong 4 hình thức kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

#### 1.9.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung.

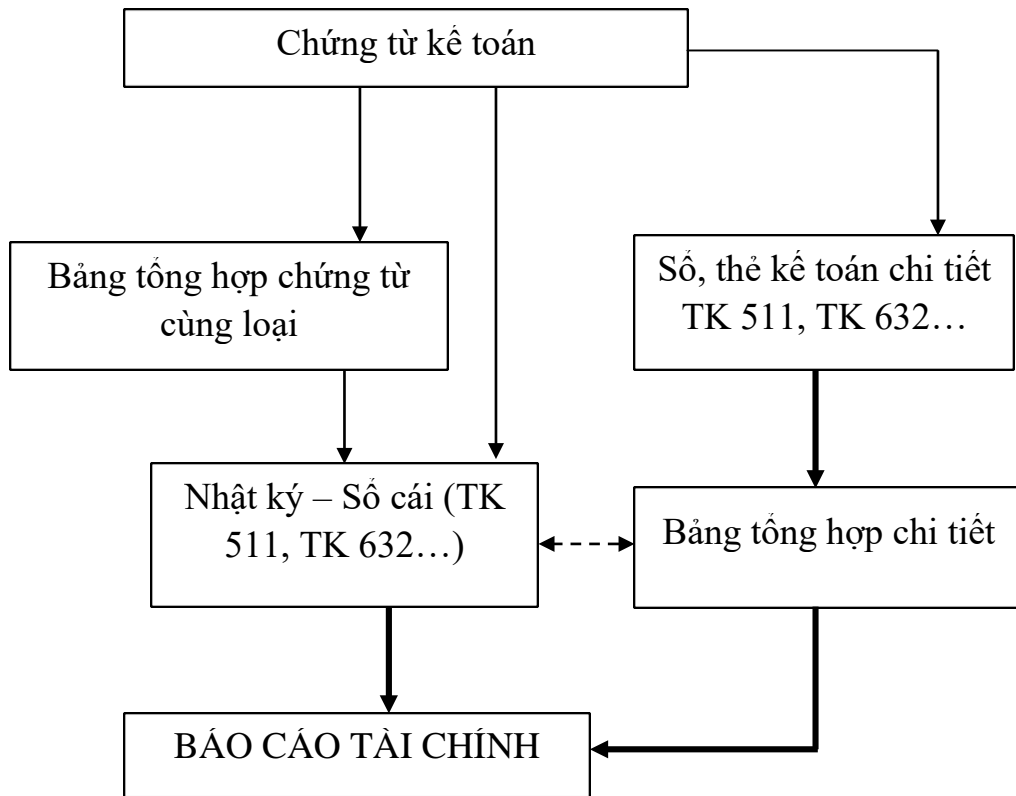


Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ —————>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <----->

1.9.2. Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái

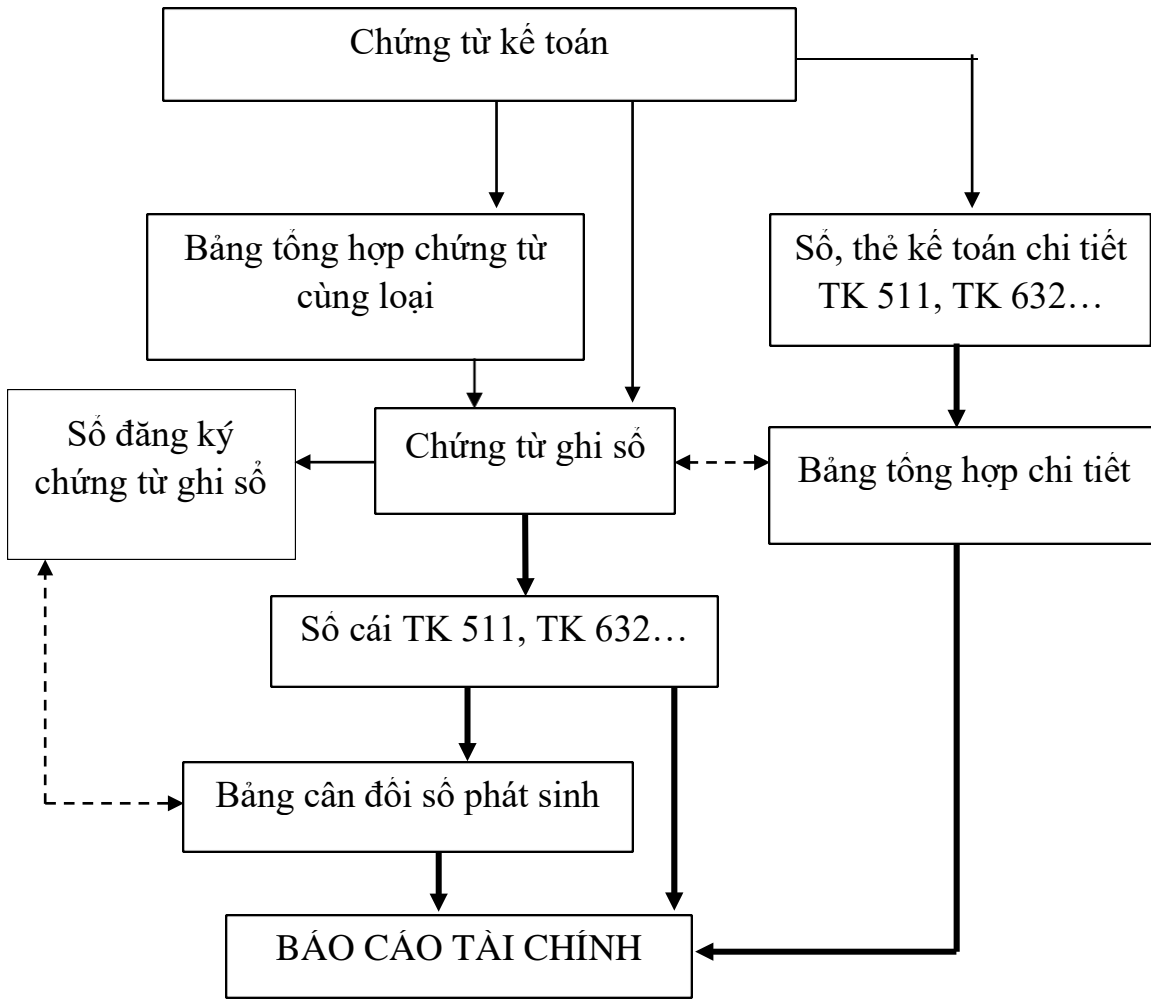


Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái.

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ —————>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <----->

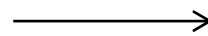
1.9.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Ghi chú:

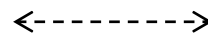
Ghi hàng ngày



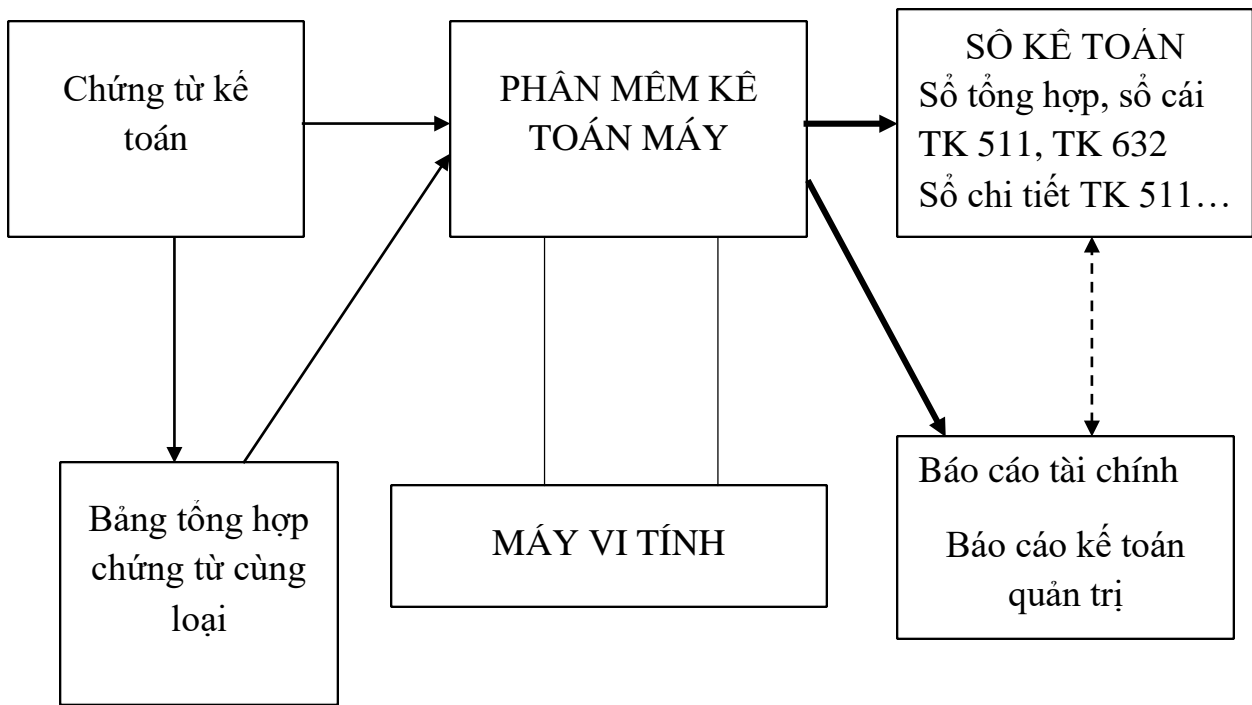
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



1.9.4. Hình thức kế toán máy



Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy:

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ —————→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI HTX CÔNG TY THƯƠNG MẠI VIỆT PHƯƠNG

#### **2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương**

##### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của HTX Công ty Thương mại Việt Phương**

- Tên doanh nghiệp : HTX Công ty Thương mại Việt Phương
- Mã số thuế: 0201000320, cấp ngày 03/11/2009 do Bộ tài chính cấp
- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số: 0207D00036/KA ngày 10/08/2009 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 21/01/2016 do UBND Quận kiến An cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: số 733 Trường Chinh, P. Quán Trữ, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng.
- Vốn điều lệ 7.500.000.000

HTX Công ty Thương mại Việt Phương là công ty thương mại chuyên kinh doanh xăng dầu có trụ sở chính tại số 733 Trường Chinh, phường Quán Trữ, quận Kiến An, TP. Hải Phòng.

Công ty ra đời trong sự phát triển của nền kinh tế, xuất phát từ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Được thành lập từ năm 2009 đến nay đã **06** lần thay đổi về cơ cấu tổ chức nhân sự, bổ sung ngành nghề kinh doanh sao cho phù hợp với sự phát triển của xã hội đòi hỏi tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty phải luôn luôn cố gắng, nỗ lực hết mình.

Các lĩnh vực kinh doanh của công ty như cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa, kinh doanh bất động sản, cho thuê máy móc thiết bị, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng... trong đó lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là bán xăng dầu.

**Biểu 2.1: Báo cáo kết quả kinh doanh của HTX Công ty Thương mại Việt Phương trong 02 năm 2014 – 2015**

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1. Vốn kinh doanh BQ	15.302.684.806	28.358.927.329
2. Tổng doanh thu	30.857.881.173	51.042.917.665
3. Tổng doanh thu thuần	30.857.881.173	51.042.917.665
4. Tổng GVHB	30.017.363.421	47.838.829.116
5. Tổng lợi nhuận gộp	840.517.752	3.204.088.549
6. Tổng lợi nhuận trước thuế	13.449.415	536.698.459
7. Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng	5.525.668	6.466.721

**2.1.2. Đặc điểm hàng hóa, tổ chức kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương**

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, nên hàng hóa của công ty bao gồm: Xăng A92, Xăng A95, Dầu diesel.

+ Xăng A92: Có màu xanh, chiết xuất từ dầu mỏ, là hợp chất của cacbon và hidro, có chỉ số Octan = 92, dạng lỏng, rất nhẹ, dễ hóa thành hơi, thường được sử dụng cho các động cơ xe máy có chỉ số nén từ 7:1 đến 10:1.

+ Xăng A95: Có màu vàng, là hợp chất của cacbon và hidro, dạng lỏng, rất nhẹ, dễ hóa hơi, thường sử dụng cho các động cơ xe máy có chỉ số nén từ 9:1 đến 11:1.

+ Dầu Diesel (Dầu DO): Là sản phẩm tinh chế từ dầu mỏ có thành phần chung cất nằm giữa dầu hỏa (keosene) và dầu bôi trơn (lubricating oil), dạng lỏng, nhiệt độ bốc hơi từ 175 đến 370 độ C, thường được sử dụng cho các động cơ xe ô-tô.

**2.1.3. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương**

\* Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương theo lĩnh vực hoạt động: hoạt động bán hàng, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

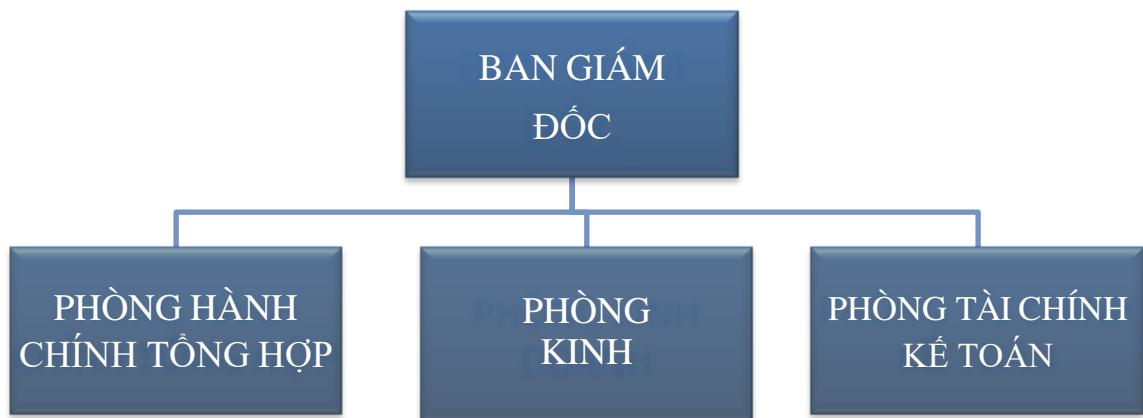
\* Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị

\* Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương theo năm.

**2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại HTX Công ty TM Việt Phương**

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý:**



*Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của HTX Công ty TM Việt Phương*

*\* Căn cứ vào quy trình tình hình thực tế của HTX Công ty Thương mại Việt Phương tổ chức bộ máy kinh doanh gồm có:*

- Giám đốc: Có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động của công ty, đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật.

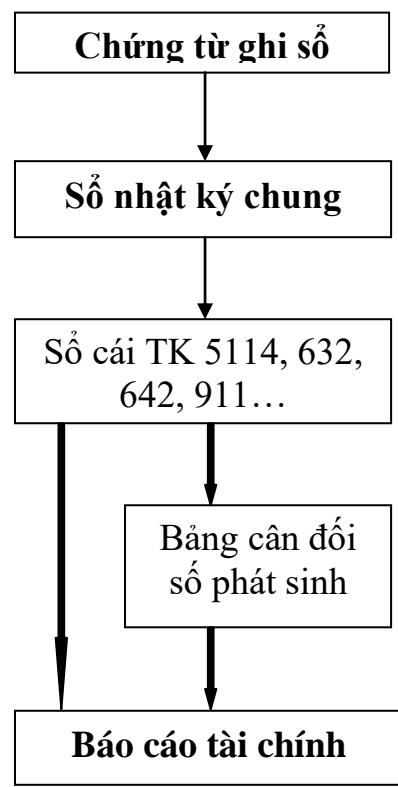
- Phòng hành chính tổng hợp: Quản lý, tuyển chọn cán bộ công nhân viên có năng lực, tay nghề. Bảo quản lưu trữ con dấu, giấy tờ và công văn của công ty, cung cấp các thiết bị văn phòng, chịu trách nhiệm đối nội, đối ngoại.

- Phòng tài chính – kế toán: Có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, tổng hợp số liệu lập, báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo tài chính. Đồng thời còn tham mưu đặc lực cho giám đốc thông qua tình hình tài chính.

- Phòng kinh doanh: Làm tham mưu cho giám đốc thiết lập các kế hoạch về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng phương án kinh doanh, soạn thảo hợp đồng kinh tế.

**2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.**

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Bình quân gia quyền cả kỳ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Chế độ kế toán áp dụng: Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng Tài Chính.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung



Sơ đồ 2.2: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Ghi chú: Ghi hàng ngày   
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



**2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương**

**2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương**

**2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

\* Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng...

+ Các chứng từ khác có liên quan...

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK 511

**\*Ví dụ minh họa 1:**

Ngày 01/12/2015 xuất 60.000 lít dầu diesel bán cho Công ty TNHH TM Đoàn Xuân, giá bán 12.027,273 đồng/lít (chưa bao gồm VAT 10%), chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn số 0100894 (Biểu số 2.2), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.7) theo định khoản sau

**\*Định khoản:**

Nợ TK 131 : 793.800.000

Có TK 511 : 721.636.364

Có TK 3331: 72.163.636

**Biểu số 2.2:**

<p><b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>                  Liên 3: Lưu nội bộ                  Ngày 01 tháng 12 năm 2015</p>					Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/15P Số: 0100894
Đơn vị bán hàng: HXT CÔNG TY THƯƠNG MẠI VIỆT PHƯƠNG Mã số thuế: 0201000320 Địa chỉ: Số 733 Trường Chinh, P.Quán Trữ, Q.Kiến An, Hải Phòng ĐT: 031.3457.368 Fax: 031.457.368 Số tài khoản: 1303018 Ngân hàng Á Châu – Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Đơn vị: Công ty TNHH TM Đoàn Xuân Địa chỉ : 1207+1209 Trần Nhân Tông, Kiến An, Hải Phòng Số tài khoản: 2492171 Ngân hàng Công thương VN – CN Tô Hiệu Hình thức thanh toán : TM/CK MST: 0200732297					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu Diesel	Lít	60.000	12.027,273	721.636.364
Cộng tiền hàng					721.636.364
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					72.163.636
Tổng cộng tiền thanh toán					793.800.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm chín mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn./.</i>					
<b>Người mua hàng</b> (ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

**\*Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 02/12/2015: Xuất 48.000 lít xăng A92 bán cho Công ty TNHH Vận tải Gia Bảo Linh, giá bán 16.790 đồng/lít (chưa gồm VAT 10%) đã thanh toán bằng chuyển khoản.

*Căn cứ vào hóa đơn số 0100895 (Biểu số 2.3) và Giấy báo có của ngân hàng Á Châu số 0695 (Biểu số 2.4) kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.7) theo định khoản sau*

**\*Định khoản:**


Nợ TK 112	: 886.512.000
Có TK 511	: 805.920.000
Có TK 3331	: 80.592.000

**Biểu số 2.3.**

<p><b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>                  Liên 3: Lưu nội bộ                  Ngày 02 tháng 12 năm 2015</p>				<p>Mẫu số:01GTKT3/001                  Ký hiệu : AA/15P                  Số: 0100895</p>	
<p>Đơn vị bán hàng: HXT CÔNG TY THƯƠNG MẠI VIỆT PHƯƠNG                  Mã số thuế: 0201000320                  Địa chỉ: Số 733 Trường Chinh, P.Quán Trữ, Q.Kiến An, Hải Phòng                  ĐT: 031.3457.368 Fax: 031.457.368                  Số tài khoản: 1303018 Ngân hàng Á Châu – Hải Phòng</p>					
<p>Họ tên người mua hàng:                  Đơn vị: Công ty TNHH Vận Tải Gia Bảo Linh                  Địa chỉ : 3/231 Văn Cao, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng                  Số tài khoản: 2492156 Ngân hàng Công thương VN – CN Tô Hiệu                  Hình thức thanh toán : CK MST: 0201293941</p>					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng A92	Lít	48.000	16.790	805.920.000
Cộng tiền hàng					805.920.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					80.592.000
Tổng cộng tiền thanh toán					886.512.000
<p><i>Số tiền viết bằng chữ: Tám trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm mười hai nghìn đồng ./.</i></p>					
<p><b>Người mua hàng</b> (ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Người bán hàng</b> (ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b> (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>	
<p><i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i></p>					

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

**Biểu số 2.4: Giấy báo có của ngân hàng Á Châu**

 <p>ASIA COMMERCIAL BANK</p>	Mã GDV: BTTA	
Ngân Hàng Á Châu	<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	Mã KH: 10028
Chi nhánh: ACB – Hải Phòng	Ngày: 02 - 12 - 2015	Số GD: 0695
Kính gửi: HTX CÔNG TY THƯƠNG MẠI VIỆT PHƯƠNG		
Mã số thuế : 0201000320		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 1303018		
Số tiền bằng số: 886.512.000		
Số tiền bằng chữ: Tám trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm mười hai nghìn đồng ./.		
Nội dung: Công ty TNHH VT Gia Bảo Linh TT tiền		
<b>GIAO DỊCH VIÊN</b>	<b>KIỂM SOÁT</b>	

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

**\*Ví dụ minh họa 3:**

Ngày 02/12/2015: Xuất 1040 lít xăng A95 bán cho Công ty TNHH TM XD Vận Tải XNK Thịnh Phát, giá bán 15.900 đồng/lít (chưa bao gồm VAT 10%) đã thanh toán bằng tiền mặt.

*Căn cứ vào hóa đơn số 0100896 (Biểu số 2.5), kế toán tiến hành lập phiếu thu số 05/12 (Biểu số 2.6). Từ phiếu thu số 05/12 kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.7) như định khoản sau:*

**\*Định khoản:**

Nợ TK 111 : 18.189.600

Có TK 511 : 16.536.000

Có TK 3331: 1.653.600

**Biểu số 2.5:**

<p><b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>                  Liên 3: Lưu nội bộ                  Ngày 02 tháng 12 năm 2015</p>				<p>Mẫu số: 01GTKT3/001                  Ký hiệu : AA/15P                  Số: 0100896</p>	
<p>Đơn vị bán hàng: HXT CÔNG TY THƯƠNG MẠI VIỆT PHƯƠNG                  Mã số thuế: 0201000320                  Địa chỉ: Số 733 Trường Chinh, P.Quán Trữ, Q.Kiến An, Hải Phòng                  ĐT: 031.3457.368 Fax: 031.457.368                  Số tài khoản: 1303018 Ngân hàng Á Châu – Hải Phòng</p>					
<p>Họ tên người mua hàng:                  Đơn vị: Công ty TNHH TM XD Vận tải XNK Thịnh Phát                  Địa chỉ : 161 Trung Lực, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng                  Số tài khoản: 19128546686 – NH Techcombank Lê Hồng Phong                  Hình thức thanh toán : TM/CK MST: 0201313845</p>					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng A95	Lít	1040	15.900	16.536.000
Cộng tiền hàng					16.536.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.653.000
Tổng cộng tiền thanh toán					18.189.600
<p><i>Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu, một trăm tám mươi chín nghìn đồng chẵn./.</i></p>					
<p><b>Người mua hàng</b> (ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Người bán hàng</b> (ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b> (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>	
<p><i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i></p>					

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

**Biểu số 2.6: Phiếu thu số 05/12**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

Mẫu số: 01-TT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**PHIẾU THU**

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

Số: 05/12

Nợ: 111

Có: 511,3331

Người nhận tiền: Trần Minh Huyền

Đơn vị: Công ty TNHH TM XD Vận tải XNK Thịnh Phát

Về khoản: Thu tiền xăng A95 (ngày 02/12/2015) – theo hóa đơn 0100896

Số tiền: 18.189.600

Bằng chữ: Mười tám triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm đồng./.

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (bằng chữ): Mười tám triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm đồng./.

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

**Thủ quỹ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người nộp tiền**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Biểu số 2.7: Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
 Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

**Mẫu số: S03a-DNN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
...	...	.....	...	.....	.....
<b>HĐGTGT 0100894</b>	01/12	Xuất bán dầu Do cho Cty Đoàn Xuân, chưa thanh toán	131 511 3331	793.800.000	721.636.364 72.163.636
<b>HĐGTGT 0100895 GBC0695</b>	02/12	Xuất bán xăng A92 cho Cty Gia Bảo Linh	112 511 3331	886.512.000	805.920.000 80.592.000
<b>HĐGTGT 0100896 PT05/12</b>	02/12	Thu tiền xăng A95 của Cty Thịnh Phát	111 511 3331	18.189.600	16.536.000 1.653.600
...	...	.....	...	.....	.....
<b>Cộng phát sinh năm</b>				<b>260.474.771.277</b>	<b>260.474.771.277</b>

Ngày 31/12/2015

**Người lập biểu**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.7), kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 511 (biểu số 2.8)

**Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 511**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

Mẫu số: S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Tài khoản: 511-Doanh thu bán hàng  
Năm 2015

Số dư nợ đầu kỳ:

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		.....			
HĐGTGT 0100894	01/12	Xuất bán dầu Do cho Cty Đoàn Xuân, chưa thanh toán	131		721.636.364
HĐGTGT 0100894 GBC0695	02/12	Xuất bán xăng A92 cho Cty Gia Bảo Linh thu bằng chuyển khoản	112		805.920.000
HĐGTGT 0100894 PT05/12	02/11	Bán xăng A95 của Cty Thịnh Phát thu bằng tiền mặt	111		16.536.000
PKT 10/12	31/12	Kết chuyển DTBH và CCDV	911	51.042.917.665	
<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>51.042.917.665</b>	<b>51.042.917.665</b>

Số dư nợ cuối kỳ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Koán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

**2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

- Tài khoản sử dụng
    - + TK 632: Giá vốn hàng bán
  - Chứng từ sử dụng:
    - + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT)
    - + Các chứng từ khác có liên quan
  - Sổ sách sử dụng:
    - + Sổ cái tài khoản 632
    - + Sổ Nhật ký chung
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho.

Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá hàng thực tế xuất kho trong kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ của hàng A} = \frac{\text{Giá thực tế hàng A tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng A nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng A tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng A nhập kho trong kỳ}}$$

Cuối tháng, kế toán tiến hành kiểm kê để xác định lượng xăng dầu xuất bán trong tháng.

**Biểu số 2.9 Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)**

HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
 ĐC: Số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

Mẫu số: S07-DNN  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tháng 12 năm 2015

Tài khoản: 156

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): **Xăng A95**

Đơn vị tính: lít

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>17.450</b>					<b>147.053</b>	<b>2.566.074.850</b>
PNK 01/12	01/12	Nhập kho xăng A95		17.230	35.900	618.557.000				
...	...	.	...	...	...	..	...	...	...	...
		Cộng tháng		14.292	445.677	5.905.220.250	558.743	7.985.554.956		
		<b>Số dư cuối kỳ</b>								<b>485.740.144</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (ký, họ tên)

Giám Đốc  
 (ký, họ tên)

**Biểu 2.9. Sổ chi tiết vật liệu, sản phẩm, hàng hóa**

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

**Ví dụ 1:** Ngày 02/12 xuất 1040 lít xăng A95 cho Công ty TNHH TM XD Vận tải XNK Thịnh Phát thu bằng tiền mặt.

*Căn cứ vào sổ chi tiết TK 156 xăng A95, (biểu số 2.10), kế toán xác định giá vốn xuất kho như sau :*

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho bình} &= \frac{2.566.074.850 + 5.905.220.250}{147.053 + 445.677} \\ \text{quân cả kỳ xăng A95} &= \\ &= 14.292 \text{ đồng/lít} \end{aligned}$$

*Căn cứ vào sổ chi tiết TK 156 xăng A95, (biểu số 2.9), kế toán lập phiếu kế toán số 10 (biểu 2.10) ghi nhận giá vốn hàng bán*

**Biểu số 2.10: Phiếu kế toán**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương

Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

SỐ: 10

STT	Diễn giải	SHTK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Ghi nhận giá vốn hàng xuất bán – xăng A95	632	156	7.985.554.956
	<b>Cộng</b>			7.985.554.956

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Căn cứ vào phiếu kế toán số 10 (biểu số 2.10), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.11)*

**Biểu số: 2.11. Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương

Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

*Đơn vị tính: Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
31/12	PKT10	31/12	Ghi nhận giá vốn hàng xuất bán – xăng A95	632 156	7.985.554.956	7.985.554.956
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng tổng số phát sinh</b>		<b>260.474.771.277</b>	<b>260.474.771.277</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên)*

**Biểu 2.11. Nhật ký chung**

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào sổ nhật ký chung ( biểu số 2.11), kế toán ghi vào sổ cái TK 632 như ( biểu 2.12)*

**Biểu số: 2.12. Trích sổ cái TK 632**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

Mẫu số: S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

TK 632 - Giá vốn hàng bán

*Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015*

*Đơn vị tính: Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....		.....	.....
31/12	PKT 10	31/12	Ghi nhận giá vốn hàng xuất bán – xăng A95	156	7.985.554.956	
			.....		.....	.....
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		47.838.829.116
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>47.838.829.116</b>	<b>47.838.829.116</b>
			Số dư đầu kỳ			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu 2.12. Sổ cái giá vốn hàng bán**

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

**2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

*\* Chứng từ và sổ kế toán sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu chi

+ Giấy báo nợ

+ Bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao

+ Các chứng từ khác có liên quan...

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK642: “Chi phí quản lý kinh doanh”

- Phương pháp hạch toán

**\*Ví dụ minh họa 1:**

Ngày 10/12/2015: Chi tiền mua văn phòng phẩm theo hóa đơn GTGT số 0001011 (biểu 2.13), đã thanh toán bằng tiền mặt theo PC 06/12 (biểu 2.14) số.

**\*Định khoản:**

Nợ TK642:           3.200.000

Nợ TK133:           320.000

Có TK111: 3.520.000

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001011 (Biểu số 2.13), kế toán lập phiếu chi số 06/12 (biểu số 2.14), sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.17)

**\*Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 31 tháng 12 công ty tính lương phải trả cho người lao động, từ đó lập bảng phân bổ lương tháng 12 năm 2015 (biểu số 2.15)

Căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương (Biểu số 2.15), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.17)



**Biểu số 2.13.**

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</p> <p>Liên 2: Giao khách hàng</p> <p>Ngày 10 tháng 12 năm 2015</p>			<p>Mẫu số: 01GTKT3/001</p> <p>Ký hiệu: AA/15P</p> <p>Số: 0001011</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hoàng Mai</p> <p>Mã số thuế: 0201063923</p> <p>Địa chỉ: 140 Phủ Thượng Đoạn, Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng</p> <p>Điện thoại: 031.3601285</p> <p>Số tài khoản:</p>					
<p>Họ tên người mua hàng:</p> <p>Tên đơn vị: HTX CÔNG TY THƯƠNG MẠI VIỆT PHƯƠNG</p> <p>Mã số thuế: 0201000320</p> <p>Địa chỉ: Số 733 Trường Chinh, Quán Trữ, Kiến An, Thành phố Hải Phòng</p> <p>Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy in Double A	thùng	5	280.000	1.400.000
2	Bút bi	hộp	5	50.000	250.000
3	Bìa công nhân	cái	20	20.000	400.000
4	Giấy in plus	thùng	5	230.000	1.150.000
Cộng tiền hàng:					3.200.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		320.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.520.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng:		Người bán hàng:		Thủ trưởng đơn vị:	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

**Biểu số 2.14. Trích phiếu chi số 06/12**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

Mẫu số: 02-TT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**PHIẾU CHI**

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Số: 06/12

Nợ: 642,133

Có: 111

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Nga

Đơn vị: Công ty CP Văn phòng phẩm Hoàng Mai

Lý do chi: Thanh toán tiền văn phòng phẩm

Số tiền: 3.520.000

Bằng chữ: Ba triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Koán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (bằng chữ): Ba triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

**Thủ quỹ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

**Biểu số: 2.15: Bảng tính lương và thanh toán tiền lương**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương

Địa chỉ: Số 733 Trường Chinh, P. Quán Trữ, Q. Kiến An, HP

**BẢNG PHÂN BỔ LƯƠNG**

Tháng 12 năm 2015

Stt	Ghi có TK Ghi nợ Các TK	Lương phải trả người lao động Cộng có TK 334	Lương trích bảo hiểm	TK 338								Cộng có TK 338
				Các khoản trích tính vào chi phí				Các khoản trích tính trừ vào lương				
				BHXH 18%	BHYT 3%	BHTN 1%	Cộng 22%	BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	Cộng 10.5%	
1	TK 642	53.072.000	53.072.000	9.552.960	1.592.160	530.720	11.675.840					11.675.840
2	TK 154	89.478.000	89.478.000	16.106.040	2.684.340	894.780	19.685.160					19.685.160
2	TK 334							11.404.000	2.138.250	1.425.500	14.967.750	14.967.750
	<b>Tổng</b>	<b>142.550.000</b>	<b>142.550.000</b>	<b>25.659.000</b>	<b>4.276.500</b>	<b>1.425.500</b>	<b>31.361.000</b>	<b>11.404.000</b>	<b>2.138.250</b>	<b>1.425.500</b>	<b>14.967.750</b>	<b>46.328.750</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

Căn cứ vào bảng phân bổ lương (biểu 2.15) kế toán định khoản:

Nợ TK 642	: 53.072.000	Nợ TK 642	: 11.675.840
Nợ TK 154	: 89.478.000	Nợ TK 154	: 19.685.160
Có TK 334	: 142.550.000	Nợ TK 334	: 14.967.750
		Có TK 338	: 46.328.750

**Biểu số: 2.16: Bảng tính lương và thanh toán tiền lương**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương

Địa chỉ: Số 733 Trường Chinh, P. Quán Trữ, Q. Kiến An, HP

**BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH  
Tháng 12 năm 2015**

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ khấu hao hoặc thời gian sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Số khấu hao	TK 642
1	1. Số khấu hao trích tháng trước		7.198.118.505	59.984.000	59.984.000
2	2. Số khấu hao tăng tháng này				
3	3. Số khấu hao giảm tháng này				
4	4. Số khấu hao tháng này		7.198.118.505	59.984.000	59.984.000

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào bảng phân bổ khấu hao TSCĐ (biểu 2.16) kế toán định khoản:*

Nợ TK 642 : 59.984.000

Có TK 214 : 59.984.000

**Biểu số 2.17 Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
10/12	HĐ 0001011 PC06/12	10/12	Mua văn phòng phẩm thanh toán bằng tiền mặt	642 133 111	3.200.000 320.00 0	3.520.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	BPBLg	31/12	- Lương phải trả CBCNV  - Trích theo lương	642 154 334 642 154 334 338	53.072.000 89.478.000  11.675.840 19.685.160 14.967.750	142.550.000  46.328.750
31/12	BKH T12	31/12	Trích KH TSCĐ	642 214	59.984.000	59.984.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng tổng số phát sinh</b>		<b>260.474.771.277</b>	<b>260.474.771.277</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.17. Sổ nhật ký chung**

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

**Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK 642**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

Mẫu số: S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			N	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
10/12	PC06/12	10/12	Mua văn phòng phẩm thanh toán bằng tiền mặt	111	3.520.000	
			.....			
31/12	BTTL	31/12	- Lương phải trả CBCNV	334	53.072.000	
			- Trích theo lương	214	11.675.840	
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>2.669.450.575</b>	<b>2.669.450.575</b>
			Số dư đầu kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi số**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.18. Sổ cái chi phí quản lý doanh nghiệp**

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

**2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương**

*\* Chứng từ và sổ kế toán sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:
- + Sổ phụ ngân hàng
- + Giấy báo có
- + Các chứng từ khác có liên quan...
- Sổ kế toán sử dụng:
- + Sổ cái TK515: “Doanh thu hoạt động tài chính”
- + Sổ nhật ký chung

*\*Phương pháp hạch toán*

***\*Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 31/12: Nhận được lãi tiền gửi Ngân hàng, số tiền 171.707 đồng bằng chuyển khoản.

***\*Định khoản:***

Nợ TK112 : 171.707

Có TK515 : 171.707

*Căn cứ vào Giấy báo có số 725 (Biểu số 2.19), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21)*

***\*Ví dụ minh họa 2:***

Ngày 05/12/2015 HTX Công ty Thương mại Việt Phương nhận được Giấy báo nợ thông báo lãi tiền vay ngân hàng ACB khoản vay trung hạn


***\*Định khoản:***

Nợ TK 635 : 39.376.826

Có TK 112 : 39.376.826

*Căn cứ vào Giấy báo nợ số 150 (Biểu số 2.20), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21)*

**Biểu số 2.19: Giấy báo có**

	Mã GDV: BTTA
Ngân Hàng Á Châu	Mã KH: 10028
Chi nhánh: ACB – Hải Phòng	Số GD: 0725
<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	
Ngày: 31 - 12 - 2015	
Kính gửi: HTX CÔNG TY THƯƠNG MẠI VIỆT PHƯƠNG	
Mã số thuế : 0201000320	
<p>Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:</p>	
Số tài khoản ghi Có: 3409678	
Số tiền bằng số: 171.707	
Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi một nghìn, bảy trăm linh bảy đồng.	
Nội dung: Lãi tiền gửi	
<b>GIAO DỊCH VIÊN</b>	<b>KIỂM SOÁT</b>

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*



**Biểu số 2.20: giấy báo Nợ của ngân hàng**

ASIA COMMERCIAL BANK

**NGÂN HÀNG Á CHÂU**

Chi nhánh-ACB-CN Hải Phòng

GIAY BAO NỢ	Ma GDV	NGO THI CHI
Ngày 31/12/2015	Ma KH	12345
	So GD	150

Kính gửi: HTX Công ty Thương mại Việt Phương

Mã số thuế:0201000320

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NO tại khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có 3409678

Số tiền ghi bằng số 39.376.826

Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng

Nội dung: Lãi khoản vay 02 đầu kéo xe 05302-05473

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Biểu số 2.21 Trích Nhật ký chung**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
 Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

Mẫu số: S03a-DNN  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

*Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016*

*Đơn vị tính: Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	T K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....
31/12	GBC 725	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112 515	171.707	171.707
31/12	GBN 150	31/12	Lãi khoản vay 02 đầu kéo xe 05302-05473	635 112	39.376.826	39.376.826
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....
			<b>Cộng tổng số phát sinh</b>		<b>260.474.771.277</b>	<b>260.474.771.277</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu 2.21: Sổ nhật ký chung**

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.21), kế toán tiến hành ghi sổ cái TK515 (biểu số 2.22)*

**Biểu số 2.22: Trích Sổ cái TK515**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính

*Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015*

*Đơn vị tính: Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/12	GBC 725	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng thương mại Á Châu	112		171.707
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>2.060.485</b>	<b>2.060.485</b>
			Số dư đầu kỳ			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

**Người ghi số**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu số 2.22: Sổ cái doanh thu hoạt động tài chính**

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào sổ NKC (biểu 2.21), kế toán tiến hành ghi sổ cái TK635 (biểu 2.23)*

**Biểu số 2.23: Trích Sổ cái TK635**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: số 733 Trường Chinh, Kiến An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Tài khoản 635- Chi phí tài chính

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/12	GBN 150	31/12	Lãi khoản vay 02 đầu kéo xe 05302-05473	112	39.376.826	
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>472.521.917</b>	<b>472.521.917</b>
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi số**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.23: Sổ cái chi phí tài chính**

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

**2.2.3. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương**

- Chứng từ sử dụng: phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng: 511, 515, 632, 635, 642, 911

*Cuối năm, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 511, 515, kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 14 phản ánh việc kết chuyển doanh thu, thu nhập như biểu 2.24*

**Biểu số 2.24:**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 14

STT	Diễn giải	SHTK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	- Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	51.042.917.665
2	- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.060.485
	<b>Cộng</b>			<b>51.044.978.150</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Cuối năm, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632, 635, 642, kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 15 phản ánh việc kết chuyển doanh thu, thu nhập như biểu 2.25*

**Biểu số 2.25:**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 15

STT	Diễn giải	SHTK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	- Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	47.838.829.116
2	- Kết chuyển chi phí quản lý DN	911	642	2.669.450.575
3	- Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	472.521.917
	<b>Cộng</b>			<b>50.980.801.608</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

Căn cứ vào phiếu kế toán số 14 (biểu số 2.24), phiếu kế toán số 15 (biểu số 2.25) kế toán ghi sổ NCK như biểu số 2.26 (Kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh)

**Biểu số 2.26: Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

(Mẫu số S03a-DNN  
Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-  
BTC ngày 14/9/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2015

ĐVT:  
Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		.....			
PKT 14	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu HĐTC	511 515 911	51.042.917.665 2.060.485	51.044.978.150
PKT 15	31/12	Kết chuyển GVHB, chi phí KD, chi phí HĐTC	911 632 642 635	50.508.279.691	47.838.829.116 2.669.450.575 472.521.917
		.....			
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>260.474.771.277</b>	<b>260.474.771.277</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.26: Nhật ký chung**

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

*Căn cứ vào sổ NKC (biểu số 2.26), kế toán ghi sổ cái TK 911 như biểu số 2.27*

**Biểu số 2.27: Trích sổ cái tài khoản 911**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006  
của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Tài khoản 911- xác định kết quả kinh doanh

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PKT 14	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		51.042.917.665
		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính & thu nhập khác	515		2.606.485
PKT 15	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	632	47.838.829.116	
			642	2.669.450.575	
			635	472.521.917	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>51.385.524.150</b>	<b>51.385.524.150</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.27: Sổ cái TK 911**

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*



*Căn cứ vào sổ cái TK 911 (biểu 2.27), kế toán xác định số lợi nhuận trước thuế TNDN, từ đó lập phiếu kế toán số 16 phản ánh số thuế TNDN phải nộp năm 2015 như biểu 2.28*

**Biểu số 2.28:**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 16

STT	Diễn giải	SHTK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	118.073.661
	<b>Cộng</b>			<b>118.073.661</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào phiếu kế toán số 16 (biểu 2.28), kế toán lập phiếu kế toán số 17 phản ánh việc kết chuyển chi phí số thuế TNDN phải nộp năm 2015 như biểu 2.29*

**Biểu số 2.29:**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 17

STT	Diễn giải	SHTK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	118.073.661
	<b>Cộng</b>			<b>118.073.661</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào phiếu kế toán số 16 (biểu 2.28), phiếu kế toán số 17 (biểu 2.29), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung như biểu 2.30*

**Biểu số 2.30: Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2015

ĐVT:  
Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PKT 16	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821 3334	118.073.661	118.073.661
PKT 17	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	118.073.661	118.073.661
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>260.474.771.277</b>	<b>260.474.771.277</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.30: Nhật ký chung**

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào sổ NKC (biểu số 2.30), kế toán ghi sổ cái TK 911 như biểu số 2.31*

**Biểu số 2.31: Trích sổ cái tài khoản 911**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006  
của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Tài khoản 911- xác định kết quả kinh doanh

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PKT 17	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	118.073.661	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>51.385.524.150</b>	<b>51.385.524.150</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.31: Sổ cái TK 911**

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào sổ NKC (biểu số 2.30), kế toán ghi sổ cái TK 821 (biểu số 2.32)*

**Biểu số 2.32: Trích sổ cái tài khoản 821**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Tài khoản 821- chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PKT 16	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	118.073.661	
PKT 17	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911		118.073.661
		<b>Cộng số phát sinh</b>		118.073.661	118.073.661

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.32: Sổ cái TK 821**

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào sổ cái 911(biểu 2.31), kế toán lập phiếu kế toán số 18 phản ánh lợi nhuận sau thuế TNDN phải nộp năm 2015 như biểu 2.33*

**Biểu số 2.33:**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 18

STT	Diễn giải	SHTK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015	911	421	418.624.799
	<b>Cộng</b>			<b>418.624.799</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào phiếu kế toán số 18 (biểu số 2.33) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như biểu 2.34*

**Biểu số 2.34: Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

(Mẫu số S03a-DNN  
Ban hành theo QĐ số  
48/2006QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2015

ĐVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		.....			
PKT 18	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015	911 421	418.624.799	418.624.799
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>260.474.771.277</b>	<b>260.474.771.277</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.34: Nhật ký chung**

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào sổ NKC (biểu số 2.34), kế toán ghi sổ cái TK 911 như biểu số 2.35*

**Biểu số 2.35: Trích sổ cái tài khoản 911**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006  
của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 911- xác định kết quả kinh doanh

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PKT 18	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015	421	418.624.799	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>51.385.524.150</b>	<b>51.385.524.150</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.35: Sổ cái TK 911**

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

*Căn cứ vào sổ NKC (biểu số 2.34), kế toán ghi sổ cái TK421 như biểu số 2.36*

**Biểu số 2.36: Trích sổ cái tài khoản 421**  
 Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
 Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN  
 (Ban hành theo QĐ số  
 48/2006QĐ-BTC ngày  
 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**  
 Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu năm</u></b>			<b>13.449.415</b>
PKT 18	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2015	911		418.624.799
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>118.073.661</b>	<b>418.624.799</b>
		<b><u>Số dư cuối năm</u></b>			<b>314.000.553</b>

**Người lập biểu**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.36: Sổ cái TK 821**

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*



*Căn cứ vào Sổ cái các tài khoản, liên quan, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh năm 2015 như biểu 2.37 để kiểm tra tính chính xác của số liệu trước khi lập báo cáo tài chính:*

**Biểu số 2.37: Trích bảng cân đối số phát sinh năm 2015**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương

Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH  
Năm 2015**

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
..	...	...	...	...	...	..	...
421	Lợi nhuận chưa phân phối		13.449.415	118.073.661	418.624.799		314.000.553
511	Doanh thu bán hàng			51.042.917.665	51.042.917.665		
515	Doanh thu HĐ tài chính			2.606.485	2.606.485		
632	Giá vốn hàng bán			47.838.829.116	47.838.829.116		
635	Chi HĐ tài chính			472.521.917	472.521.917		
642	Chi phí QLDN			2.669.450.575	2.669.450.575		
821	Chi phí thuế thu nhập DN			118.073.661	118.073.661		
911	Xác định kết quả kinh doanh			51.385.524.150	51.385.524.150		
<b>Cộng</b>		<b>20.954.453.637</b>	<b>20.954.453.637</b>	<b>260.474.771.277</b>	<b>260.474.771.277</b>	<b>38.179.455.552</b>	<b>38.179.455.552</b>

*(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)*

**Biểu số 2.38: Báo cáo kết quả kinh doanh**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương  
Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	51.042.917.665	30.875.881.173
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		51.042.917.665	30.875.881.173
4. Giá vốn hàng bán	11		47.838.829.116	30.017.363.421
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.204.088.549	840.517.752
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.606.485	965.517
7. Chi phí tài chính	22		472.521.917	231.991.808
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		2.669.450.575	596.042.100
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		64.722.542	13.449.415
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	536.698.459	13.449.415
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		118.073.661	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		418.624.799	13.449.415

Ngày 31 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán HTX Công ty Thương mại Việt Phương)

**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
HTX CÔNG TY THƯƠNG MẠI VIỆT PHƯƠNG****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương.****3.1.1. Ưu điểm***- Về công tác quản lý:*

- + Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.
- + Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng, nhanh chóng hơn

*- Về công tác kế toán:*

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.

+ Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.

*- Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán*

+ Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng óa một cách dễ dàng.

*- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

+ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+ Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi khổng, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí một cách hợp lý hơn.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

### **3.1.2. Hạn chế**

- + Tích giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ
- + Không trích kinh phí công đoàn
- + Công ty vẫn chưa hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng.
- + Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. Áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.
- + Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương, mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là vận dụng Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Fast Accounting, ...

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh**

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương chưa thực sự hoàn thiện vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh**

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất..., phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác

định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

### **3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh**

#### **3.4.1. Kiến nghị 1: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí**

- *Lý do kiến nghị:* Vì số lượng sản phẩm kinh doanh của HTX Công ty Thương mại Việt Phương không nhiều, nên có thể thực hiện được việc hạch toán doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Nếu Công ty mở sổ chi tiết doanh thu, chi phí thì công tác kế toán sẽ quản lý được cụ thể, chi tiết, chặt chẽ đến từng mặt hàng của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán kết quả kinh doanh chi tiết theo từng mặt hàng.

- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Mở các sổ chi tiết như biểu số 3.1, 3.2

**Biểu số 3.1. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

**HTX Công ty Thương mại Việt Phương**

Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

**Mẫu số S18 - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các TK: 154, 642, 632)

- Tài khoản
- Tên phân xưởng
- Tên sản phẩm, dịch vụ

Tháng..... năm..... Đơn vị tính: .....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền	Chia ra			
	Số hiệu	Ngày, tháng				...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
			...						
			- Cộng số phát sinh trong kỳ						
			- Ghi có TK						
			- Số dư cuối kỳ						

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 3.2. Sổ chi tiết bán hàng**

**HTX Công ty Thương mại Việt Phương**

Địa chỉ: 733 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng

**Mẫu số S17-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tài khoản: 511

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211, 5212, 5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

Ngày .....tháng ..... năm.....  
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

- *Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp:* Nếu Công ty mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho Công ty thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm. Từ đó Công ty sẽ đưa ra những quyết định xem nên mở rộng, thu hẹp hay ngừng kinh doanh mặt hàng nào của Công ty.

### **3.4.2. Kiến nghị 2: Áp dụng phần mềm kế toán**

- *Lý do kiến nghị:* Hiện tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán song nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của Công ty mất rất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

- *Mục tiêu giải pháp:* Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời

- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Vacom, Fast....

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

*Thông tin phần mềm:* MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2015 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.



Giao diện phần mềm:

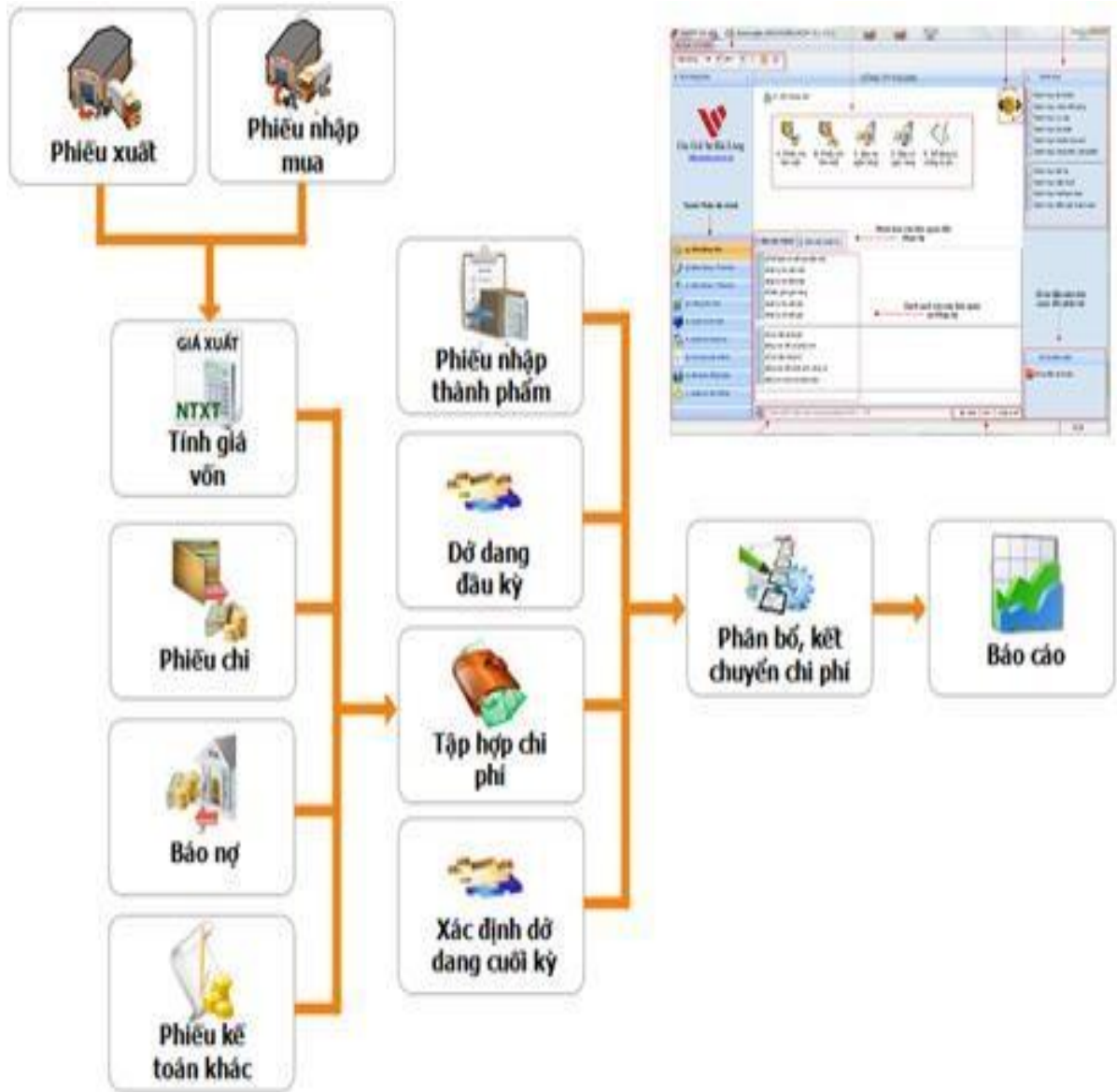
Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015



- Thông tin về giá cả các gói sản phẩm là:

Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC).  
Liên hệ: [www.misa.com.vn](http://www.misa.com.vn).
- Phần mềm kế toán VACOM



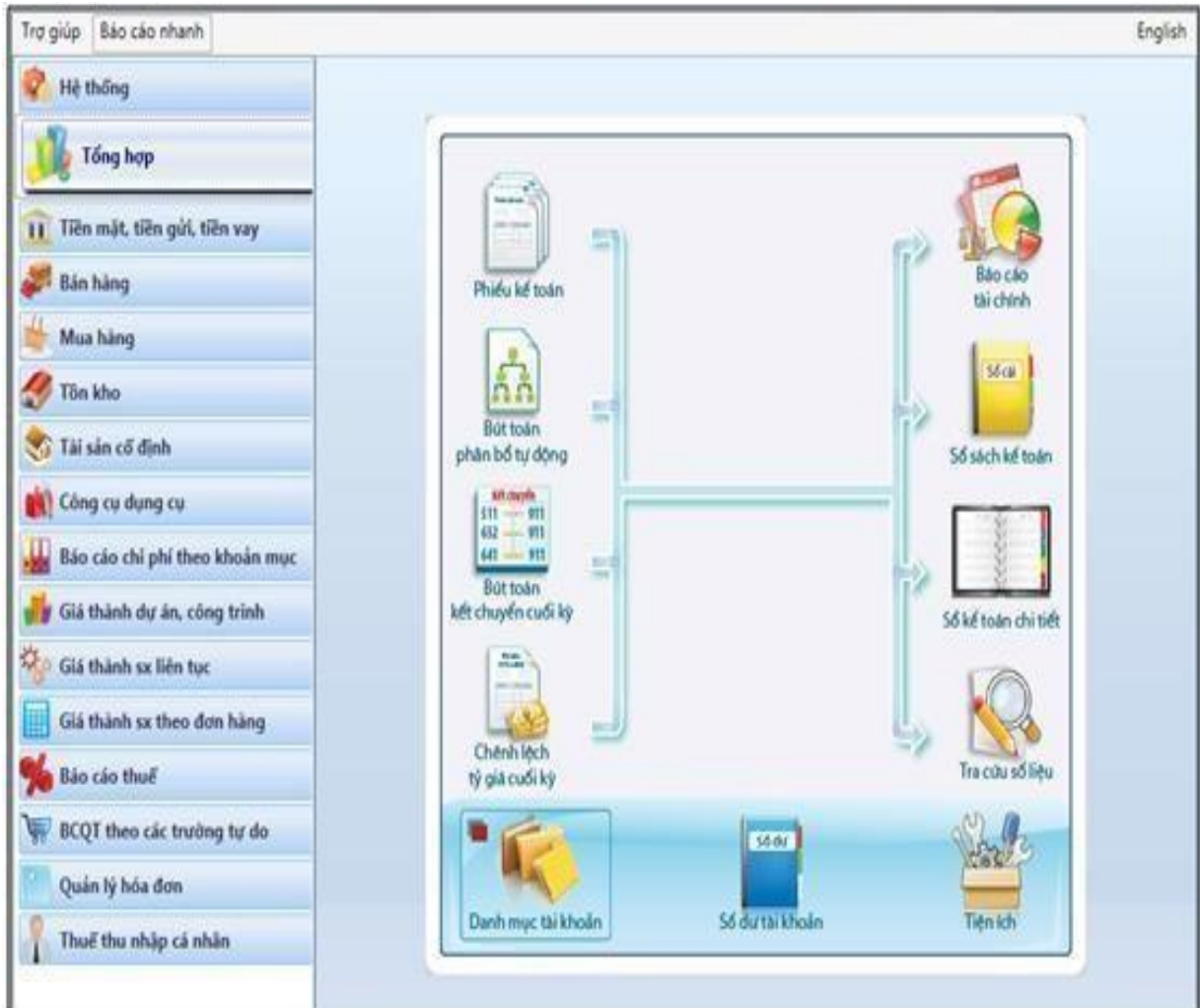
**Hình 3.2. Giao diện phần mềm kế toán máy VACOM**

- Thông tin về gói sản phẩm, thông tin về giá cả: liên hệ đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần công nghệ phần mềm kế toán VACOM.
- Website: [www.vacom.com.vn](http://www.vacom.com.vn)

- Phần mềm Kế toán Fast accounting

*Thông tin phần mềm:* Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất....

*Giao diện phần mềm*



**Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015**

- Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.

Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: [www.fast.com.vn](http://www.fast.com.vn)

- *Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp:* Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm được thời gian, chi phí và sức lao động, nâng cao hiệu quả công việc. Các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn và chuyên nghiệp hơn

**3.4.3. Kiến nghị 3: Trích kinh phí công đoàn tính vào chi phí**

- *Lý do kiến nghị:* Công ty chưa thực hiện trích KPCĐ theo quy định.
- *Mục tiêu của giải pháp:* Tính các khoản trích theo lương đầy đủ theo quy định của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.
- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Trích 2% KPCĐ trên quỹ tiền lương đóng BHXH tính vào chi phí. Sau đó tiến hành bổ sung khoản trích KPCĐ vào mẫu bảng phân bổ tiền lương sau:

**Biểu số: 3.3: Bảng tính lương và thanh toán tiền lương**

Đơn vị: HTX Công ty Thương mại Việt Phương

Địa chỉ: Số 733 Trường Chinh, P. Quán Trữ, Q. Kiến An, HP

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG**

Tháng 12 năm 2015

S T T	Ghi có TK	Lương phải trả người lao động Cộng có TK 334	Lương trích bảo hiểm	TK 338								Cộng có	
				Các khoản trích tính vào chi phí					Các khoản trích tính trừ vào lương				
	BHXH 18%			BHYT 3%	BHTN 1%	KPCĐ 2%	Cộng 24%	BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	Cộng 10,5%		
1	TK 642	53.072.000	53.072.000	9.552.960	1.592.160	530.720	1.061.440	12.737.280					12.737.280
2	TK 154	89.478.000	89.478.000	16.106.040	2.684.340	894.780	1.789.560	21.474.720					21.474.720
2	TK 334								11.404.000	2.138.250	1.425.500	14.967.750	14.967.750
	<b>Tổng</b>	<b>142.550.000</b>	<b>142.550.000</b>	<b>25.659.000</b>	<b>4.276.500</b>	<b>1.425.500</b>	<b>2.851.000</b>	<b>34.212.000</b>	<b>11.404.000</b>	<b>2.138.250</b>	<b>1.425.500</b>	<b>14.967.750</b>	<b>49.179.750</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký tên, đóng dấu)

- *Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp:* Thực hiện đầy đủ các khoản trích theo lương theo đúng tỷ lệ quy định, thêm khoản chi phí hợp lý hợp lệ tính vào chi phí.

## KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của các doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực em đã áp dụng cơ sở lý luận được học ở trường và thực hiện công tác “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương” đã giúp em nắm bắt được một số đặc điểm về công tác kế toán ở công ty. Có thể thấy HTX Công ty Thương mại Việt Phương có hệ thống đầy đủ những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp. Đồng thời cũng phản ánh khách quan, toàn diện về công tác kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán chung tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương như:

- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.
- Kiến nghị về việc áp dụng phần mềm kế toán
- Kiến nghị về việc trích kinh phí công đoàn tính vào chi phí

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự giúp đỡ hướng dẫn tận tình của Ths. Nguyễn Đức Kiên và của ban lãnh đạo, các phòng ban trong HTX Công ty Thương mại Việt Phương em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy, cô giáo cùng cán bộ phòng kế toán của HTX Công ty Thương mại Việt Phương để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và phòng kế toán tại HTX Công ty Thương mại Việt Phương đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này!

Em xin chân thành cảm ơn!

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (Năm 2006), chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, NXB Lao động – Xã hội.
2. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.
4. TS. Bùi Văn Dương ( Năm 2007), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
5. TS. Phạm Huy Đoán (Năm 2004), *Hệ thống kế toán doanh nghiệp*, NXB tài chính Hà Nội.